

THÔNG BÁO

*V/v chốt danh sách cổ đông để tổ chức
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Chíp Sáng

Hội đồng Quản trị Công ty CP Chíp Sáng trân trọng thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 như sau:

1. Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội: **ngày 24/4/2014.**
2. Ngày tổ chức Đại hội: **09h00 ngày 24/5/2014 (Thứ Bảy).**
3. Địa điểm tổ chức: **Hội trường Tòa Nhà Sacom – Chíp Sáng (Lầu 9).**
(Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM)
4. Trường hợp Quý cổ đông không thể tham gia dự họp đề nghị ủy quyền cho người khác tham dự. Khi đến dự họp, Quý cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính); đối với trường hợp được ủy quyền, vui lòng mang theo Giấy ủy quyền.
5. Để đảm bảo công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận thông tin tham dự Đại hội hoặc ủy quyền dự họp và gửi về:
 - Công ty CP Chíp Sáng: số 253 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3, TP. HCM
 - Người liên hệ: **Cô Nguyễn Thị Quỳnh Như** (email: nhuntq@chipsang.vn) qua số điện thoại: 08 3930 1639 hoặc số fax: 08 3930 1636.
6. Thư mời, mẫu giấy ủy quyền sẽ được gửi đảm bảo cho Quý cổ đông qua đường bưu điện. Chương trình và tài liệu đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.chipsang.vn kể từ ngày 08/4/2014.
7. Thông báo này có thể dùng thay cho Thư mời.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LƯƠNG VĂN LÝ

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Kính gửi: Ông/Bà

Mã cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:



GIẤY ỦY QUYỀN

V/v tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Mã cổ đông: BCC.....

Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự.
Vui lòng cắt trang này, điền đầy đủ thông tin (ở mặt sau) và gửi bằng đường bưu điện hoặc fax về:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

253 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: (084) 08 39301639- Fax: (084) 08 39301636

Website: www.chipsang.vn



THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng trân trọng kính mời Quý cổ đông về tham dự Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014:

1. Thời gian: **09h00 ngày 24/05/2014 (thứ bảy).**
2. Địa điểm: **Hội trường Tòa nhà Sacom – Chíp Sáng**
(Lô T 2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP. Hồ Chí Minh).
3. Phương tiện di chuyển: Công ty CP Chíp Sáng có tổ chức xe đưa rước Quý cổ đông tham dự Đại hội. Quý cổ đông có nhu cầu, vui lòng có mặt tại số 253 Điện Biên Phủ, P. 7, Q. 3, TP. HCM lúc 08h00 để Ban Tổ chức Đại hội phục vụ một cách tốt nhất.
4. Thủ tục tham dự Đại hội:
 - Cổ đông là cá nhân: khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời và giấy CMND (nếu là cá nhân mang quốc tịch Việt Nam) hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân mang quốc tịch nước ngoài).
 - Cổ đông là pháp nhân: khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo thư mời và giấy giới thiệu để Công ty đối chiếu danh sách cổ đông.
 - Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền vào giấy ủy quyền theo mẫu kèm theo hoặc được đăng tại trang web của Công ty (www.chipsang.vn).
5. Nội dung chương trình Đại hội dự kiến:
 - ✓ Báo cáo tổng kết năm 2013 và mục tiêu, định hướng năm 2014 của Hội Đồng Quản trị.
 - ✓ Báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014 của Tổng Giám đốc.

- ✓ Báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty của Ban Kiểm soát năm 2013.
- ✓ Báo cáo các nội dung xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông:
 - ✚ Kế hoạch Kinh doanh năm 2014.
 - ✚ Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014.
 - ✚ Thủ lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2014.
 - ✚ Một số vấn đề khác (nếu có).

6. Tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ: vui lòng xem tại trang web của Công ty (www.chipsang.vn) sau ngày 08/05/2014.
7. Để tiện cho việc sắp xếp tổ chức và đón tiếp, Quý cổ đông vui lòng xác nhận thông tin tham dự Đại hội qua điện thoại/email/gửi thư/fax giấy uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ trước 17h00 ngày 23/05/2014.
 - Điện thoại: (08) 3930 1639 (gặp Cô Như – Phòng Kế toán)
 - Email: nhuntq@chipsang.vn
 - Số fax: (08) 39301636

Rất mong Quý Ông/Bà sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để Đại hội đạt kết quả tốt.

Trân trọng kính mời.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lương Văn Lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày tháng ... năm 2014

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chíp Sáng

I. Bên ủy quyền:

Tôi tên:

CMND số:

Cấp ngày: tại:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty CP Chíp Sáng

II. Bên được ủy quyền: (vui lòng đánh dấu chéo "X" để chọn)

☐ Ông Lương Văn Lý – Chủ tịch HĐQT;

☐ Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát;

☐ Khác: (vui lòng điền thông tin bên dưới)

Họ và tên:

Điện thoại:

Số CMND/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Bên ủy quyền và bên được ủy quyền đồng ý với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền sẽ được đại diện số cổ phiếu mà Bên ủy quyền hiện đang nắm giữ (tại ngày đăng ký cuối cùng 24/04/2014) để tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại

Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Điều 2: Trách nhiệm

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào về số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại ngày đăng ký cuối cùng 24/04/2014. Bên được ủy quyền cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định tại điều 1 của giấy ủy quyền này và không được ủy quyền cho người khác.

Điều 3: Thời hạn

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 kết thúc. Trường hợp ĐHĐCĐ lần 1 có tỷ lệ tham dự không đủ điều kiện tổ chức Đại hội, thì Giấy uỷ quyền này có giá trị cho các lần họp tiếp sau.

Bên được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự bằng cách cắt trang này điền đầy đủ thông tin và gửi bằng đường bưu điện hoặc fax về Công ty CP Chíp Sáng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh Nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng thống nhất ban hành Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 với các nội dung như sau:

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích tài liệu và phạm vi áp dụng

- 1.1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (gọi tắt là Công ty).
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của những người tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3. Cổ đông và những người tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Điều kiện tham dự họp Đại hội của cổ đông

- 2.1. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2014 đều có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty. Cổ đông có quyền ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, tuy nhiên để đảm bảo tính tập trung, mỗi cổ đông chỉ được phép ủy quyền cho một người. Người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- 2.2. Cổ đông là pháp nhân tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua người đại diện theo pháp luật của mình hoặc ủy quyền cho người khác dưới hình

thức văn bản. Ủy quyền trong trường hợp này phải được ký và đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân.

- 2.3. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần mang theo giấy tờ tùy thân hợp lệ (CMND, Hộ chiếu...), Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (trong trường hợp đại diện ủy quyền).

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

- 3.1. Các cổ đông khi có đủ điều kiện tham dự Đại hội sẽ:

- Được cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
- Được quyền thảo luận các vấn đề trong nội dung Đại hội, trường hợp không đủ thời gian thảo luận, cổ đông có quyền đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi lên Ban Thư ký Đại hội;
- Được quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của điều lệ;
- Được tham gia giới thiệu các ứng viên cho HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới căn cứ theo các quy định tại điều lệ công ty;
- Được quyền tham gia bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới;

- 3.2. Các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội cần:

- Thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức;
- Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Có thái độ ứng xử đúng mực, phù hợp với thuần phong mỹ tục của xã hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn, Thư ký Đại hội

- 4.1. Chủ tọa đoàn Đại hội gồm 03 đến 05 thành viên đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên khác thuộc Hội đồng Quản trị, BKS và Ban Tổng Giám đốc công ty. Thư ký Đoàn do Ban Tổ chức Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 4.2. Nhiệm vụ của Chủ tọa đoàn là điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận; Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết; Trả lời những vấn đề do đại biểu và Đại hội yêu cầu.
- 4.3. Chủ tọa đoàn có quyền hoãn hay dừng Đại hội căn cứ theo Điều lệ Công ty, theo Pháp luật và theo tình hình thực tế của đại hội.

- 4.4. Quyết định của Chủ tọa đoàn về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 4.5. Chủ tọa Đoàn có quyền tiến hành các biện pháp mà thấy là cần thiết để tiến hành Đại hội cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- 4.6. Thư ký đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa đoàn, ghi chép đầy đủ, trung thực chính xác các nội dung của Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

- 5.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban kiểm soát đề cử và lựa chọn.
- 5.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:
 - Tiếp nhận và kiểm tra tư cách cổ đông đến họp;
 - Phát các tài liệu, Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử cho cổ đông;
 - Lập Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị/BKS.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 6.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là các ứng viên có tên trong danh sách bầu cử vào Hội đồng Quản trị hay BKS.
- 6.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Kiểm tra và phát các tài liệu, Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử cho cổ đông;
 - Xác định, lập Biên bản tỷ lệ số cổ phần biểu quyết đồng ý/không đồng ý/ có ý kiến khác đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội;
 - Tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội kết quả bầu cử;
 - Giao Biên bản và toàn bộ số phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đoàn.
- 6.3. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 7: Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông

- 7.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 25 tháng 03 năm 2014.
- 7.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 7.1 thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp chiếm ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo điều lệ công ty quy định.
- 7.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.

Điều 8: Phát biểu ý kiến trong cuộc họp Đại hội

Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại Đại hội phải thực hiện theo các điều kiện và nguyên tắc như sau:

- Ý kiến của cổ đông cần tập trung vào những nội dung nằm trong chương trình nghị sự của Đại hội và chỉ tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
- Khi có ý kiến thì giơ thẻ biểu quyết và giới thiệu họ tên, mã số cổ đông, Chủ tọa Đoàn sẽ mời phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- Trường hợp không đủ thời gian cho cổ đông thảo luận hoặc phát biểu, cổ đông đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi lên đến Chủ tọa Đoàn thông qua Thư ký Đại hội. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian trình bày thì cổ đông có thể gửi ý kiến bằng văn bản đến Ban tổ chức Đại hội ít nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

PHẦN II: BIỂU QUYẾT

Điều 9: Phiếu biểu quyết

- 9.1. Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu in sẵn có đóng dấu của Công ty. Phiếu biểu quyết ghi rõ tên cổ đông, mã số cổ đông và số cổ phần biểu quyết.
- 9.2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ nếu:

- Không do Ban Tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu quy định;
- Không có đóng dấu của Công ty bên góc trái phía trên của Phiếu;
- Rách, không có đầy đủ hoặc tẩy xóa các thông tin như Điều 9.1;

Điều 10: Phương thức biểu quyết

- 10.1. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết với mặt trước phiếu biểu quyết hướng về phía Chủ tọa Đoàn.
- 10.2. Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó.
- 10.3. Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 10.4. Trường hợp cổ đông ra về trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết, thì phiếu biểu quyết của đại biểu cổ đông đó được tính vào tỷ lệ tán thành với các vấn đề Đại hội đưa ra biểu quyết.
- 10.5. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết bao gồm số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, ý kiến khác được Chủ tọa Đoàn công bố trước Đại hội.

Điều 11: Điều kiện thông qua nội dung biểu quyết

- 11.1. Ngoại trừ các nội dung được quy định trong Điều 11.2, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi số phiếu biểu quyết đồng ý đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- 11.2. Đối với các nội dung liên quan đến: sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; sẽ chỉ được thông qua khi số phiếu biểu quyết đồng ý đại diện ít nhất 75% số cổ phần của các cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

PHẦN III. NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Điều 12: Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 13: Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 6 trang 13 Điều, có hiệu lực áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN LÝ



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

V/v kế hoạch kinh doanh năm 2014

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch kinh doanh năm 2014.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội xem xét phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2014 theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

☐ Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.413
☐ Giá vốn hàng bán	33.611
☐ Lãi gộp	8.802
☐ Doanh thu hoạt động tài chính	582
☐ Chi phí hoạt động tài chính	450
☐ Chi phí bán hàng	2.030
☐ Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.350
☐ Lợi nhuận khác (lãi từ cty LD, LK)	1.318
☐ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.872

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LƯƠNG VĂN LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất 2013 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (đính kèm), đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

Báo cáo tài chính năm 2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất 2013 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.chipsangvn), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LƯƠNG VĂN LÝ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
V/v lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn 1 trong 3 công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn A&C
2. Công ty kiểm toán DTL
3. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)

Đơn vị kiểm toán độc lập được chọn phải có tên trong danh sách các Công ty Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép và thỏa mãn các yêu cầu của Công ty Cổ phần Chíp Sáng về nguồn lực tốt để hoàn thành công việc đúng hạn với chi phí hợp lý nhất.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LƯƠNG VĂN LÝ



TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

***V/v thông qua thù lao năm 2013 và kế hoạch tiền lương, thù lao
HĐQT, BKS năm 2014***

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng;
- Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và kết quả kinh doanh năm 2013;
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2014.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua thù lao năm 2013 và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2014, như sau:

I. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2013 :

Theo Ngân sách hàng năm đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013: 336.000.000 đồng

Năm 2013, thù lao thực tế đã chi là: 329.000.000 đồng

Tăng (+), Giảm(-): - 7.000.000 đồng

II. Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014:

Thù lao Hội đồng quản trị: 216.000.000 đồng /năm

Thù lao Ban Kiểm soát: 120.000.000 đồng/năm

Tổng cộng: 336.000.000 đồng/năm

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: HCNS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LƯƠNG VĂN LÝ



Phụ lục số III
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CP CHÍP SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2013)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Quận 9,
TP.HCM, VN
- Điện thoại: 39301639 Fax: 39301636 Email: info@chipsang.vn
- Vốn điều lệ: 80.290.800 VNĐ
- Mã chứng khoán (nếu có): Không

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2013):

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch	04	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Đức	Phó chủ tịch	03	75%	Đi công tác
3	Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên	03	75%	Đi công tác
4	Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên	04	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	04	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc đều có sự giám sát và chỉ đạo kịp thời của HĐQT.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2013):

STT	SỐ BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/QĐ-HĐQT	30/01/2013	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh TP HCM
2	01/BB-HĐQT	30/1/2013	- Thông qua điều chỉnh quy chế lương phiên bản 2.1 - Bổ nhiệm giám đốc chi nhánh TP.HCM - Thông qua báo cáo tình hình mua cổ phiếu quỹ của công ty - Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 2012 - Góp ý chiến lược 2013-2015 và kế hoạch KD 2013
3	02/QĐ-HĐQT	30/01/2013	Ban hành Quy chế lương phiên bản 2.1

4	02/BB-HĐQT	09/04/2013	-Thông qua BCTC và BCTC hợp nhất -Thảo luận nội dung trích lập các quỹ, phương án phân phối lợi nhuận và điều chỉnh điều lệ -Thông qua định hướng phát triển 2013-2015 tập trung hoạt động theo định hướng phát triển công nghệ cao - Thông qua kế hoạch kinh doanh 2013 - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2013
5	03/QĐ-HĐQT	03/05/2013	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
6	03/BB-HĐQT	15/05/2013	- Phê duyệt điều chỉnh bậc lương của KTT & GDKD - Thông qua phương án vay vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Eximbank.
7	04/BB-HĐQT	15/05/2013	- Thống nhất nội dung vay vốn lưu động cho HĐKD của công ty tại ngân hàng Exim.
8	NQ/ĐHĐCĐ	24/05/2013	Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 thông qua nghị quyết các nội dung sau: -Thông qua các báo cáo của HĐQT, BKS và Ban điều hành về hoạt động năm 2012 và định hướng chiến lược hoạt động năm 2013. - Thông qua các báo cáo tài chính 2012 đã kiểm toán -Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2012 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2013 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013 - Thông qua nội dung ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2013. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2012, trích lập các quỹ, chia lợi tức cổ phần và ủy quyền HĐQT thực hiện.
9	04/QĐ-HĐQT	10/06/2013	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
10	05/QĐ-HĐQT	04/07/2013	Tái bổ nhiệm kế toán trưởng
11	06/QĐ-HĐQT	15/08/2013	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
12	07/QĐ-HĐQT	23/09/2013	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
13	05/BB-HĐQT	25/10/2013	-Định hướng hoạt động kinh doanh dịch vụ ESCO & các hoạt động kinh doanh theo sát định hướng KD cốt lõi. -Báo cáo liên doanh CSA và các phương án với đối tác A&P -Thay thế và bổ nhiệm Tổng giám đốc công ty CSA - Phê duyệt Lựa chọn đơn vị kiểm toán
14	06/BB-HĐQT	23/12/2013	-Thông qua kế hoạch KH 2014, kế hoạch ngân sách 2015-2016 của Công ty THNN Chíp sáng và Ashmanov (CSA). -Thông qua dự án hợp tác cung cấp dịch vụ lọc web trên mạng di động.

0304
CỘNG
HÒA
CHÍNH
HỢP

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm 2013):

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMN D/ĐKKD	Ngày cấp CMN D/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Bà Bùi Thị Kim Nga		Trưởng Ban kiểm soát						24/5/2013	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (ngày 24/05/2013) phê duyệt việc từ nhiệm của Bà Bùi Thị Kim Nga khỏi chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2011-2015)
2	Bà Nguyễn Thị Thủy Hằng		Thành viên ban kiểm soát					24/05/2013		Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (ngày 24/05/2013) thông qua việc bầu Bà Nguyễn Thị Thủy Hằng là thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2011-2015)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo năm 2013):

1 Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

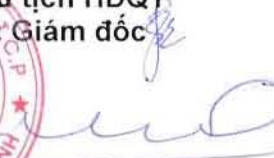
Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Anh		Phó CT HĐQT					4.358	0.06%	Nhận chuyển nhượng

2. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo năm): không


TUQ. Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

NGUYEN QUANG TRUNG





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I: GIỚI THIỆU CÔNG TY	
<i>Về Chíp Sáng</i>	5
<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	6
<i>Cơ cấu cổ đông</i>	7
<i>Cột mốc phát triển</i>	8
PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	
<i>Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị</i>	10
<i>Phát triển bền vững</i>	11
<i>Chiến lược hành động</i>	12
PHẦN III: CƠ CẤU TỔ CHỨC – NHÂN SỰ	
<i>Sơ đồ tổ chức công ty</i>	14
<i>Các công ty con và công ty liên kết</i>	15
<i>Ban Quản Trị</i>	16
<i>Cơ cấu nhân sự</i>	20
PHẦN IV: BÁO CÁO NĂM 2014	
<i>Thông tin chung</i>	22
<i>Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2014</i>	23
<i>Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị</i>	26
<i>Báo cáo của Ban Kiểm Soát</i>	30
<i>Báo cáo của Ban Điều Hành</i>	34
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán</i>	39

(*) Báo cáo thường niên bao gồm 70 trang luôn bìa.

PHẦN 1:

GIỚI THIỆU CÔNG TY

<i>Tổng quan công ty</i>	5
<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	6
<i>Cơ cấu cổ đông</i>	7
<i>Cột mốc phát triển</i>	8



Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Tên tiếng Anh: Brilliant Chip Joint Stock Company

Tên viết tắt: Chip Sang JSC

Trụ sở chính: Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM

Chi nhánh: 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3930 1639

Fax: (08) 3930 1636

Email: info@chipsang.vn

Website: www.chipsang.vn

TỔNG QUAN VỀ CHÍP SÁNG

Tầm nhìn

Trở thành công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.

Sứ mệnh

Chúng tôi cam kết đem lại sự thuận lợi và thỏa mãn cao nhất cho khách hàng và đối tác bằng việc cung cấp những sản phẩm công nghệ tiên tiến, hiện đại và các giải pháp tiết kiệm với chi phí linh hoạt. Chúng tôi hướng đến một doanh nghiệp có văn hóa cộng đồng vì sự phát triển của từng nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Triết lý kinh doanh

“Sáng tạo là nền tảng của thành công” - Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu đầy thách thức với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty, các tập đoàn, và giữa các quốc gia như hiện nay, thì tư duy sáng tạo không ngừng sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra những giải pháp, sản phẩm, dịch vụ khác biệt, có giá trị hàm lượng chất xám cao. Đây là yếu tố quyết định giúp doanh nghiệp tồn tại, phát triển bền vững và đi tới thành công.

Giá trị cốt lõi

Tư duy cởi mở: luôn lắng nghe và chấp nhận sự khác biệt

Thái độ tôn trọng: luôn tôn trọng chính mình và người khác

Tính cách chuyên cần: tận tâm trong công việc

Tác phong chuyên nghiệp: cam kết, kỷ luật, nói là làm

Tinh thần cống hiến: sống và làm việc với niềm đam mê

Phương châm hành động

Nghĩ tự do

Nói chân thật

Làm đam mê



Lĩnh vực hoạt động



Là doanh nghiệp công nghệ cao, Chíp Săng luôn hướng đến những sản phẩm - dịch vụ mang tính công nghệ hiện đại, phù hợp với định hướng kinh doanh của công ty; mang lại sự thuận tiện và tiết kiệm cho khách hàng, góp phần phụng sự tốt nhất cho nhu cầu phát triển của xã hội.



Hệ thống chiếu sáng LED tiết kiệm điện
Giải pháp quản lý và tiết kiệm điện
iLED.vn



Phân phối hàng công nghệ
GOWELL.vn



Giải pháp Online Marketing
NORON.vn

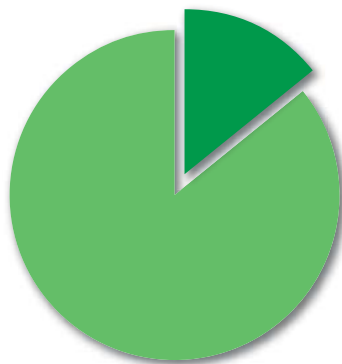


Công nghệ thông và viễn thông
CSA.vn



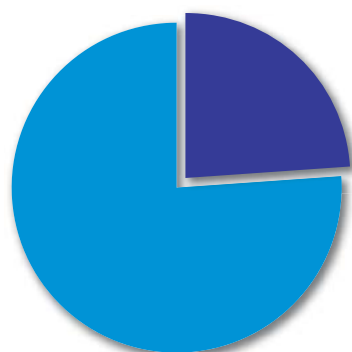
Khai thác thương mại bất động sản
SCS.vn

Cơ cấu cổ đông



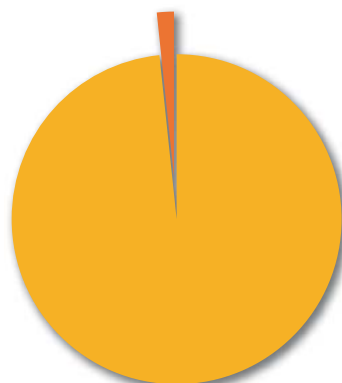
Cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ chủ sở hữu

	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ Cổ phần (%)
■ Cổ đông lớn	01	988.044	14.29
■ Cổ đông nhỏ	495	5.926.975	80.71
Tổng cộng	496	6.915.019	100



Cơ cấu Cổ đông theo pháp nhân và thể nhân

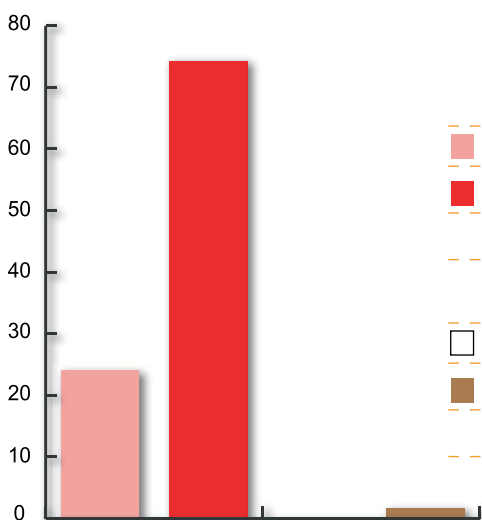
	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ Cổ phần (%)
■ Pháp nhân	05	1.381.044	19.97
■ Thể nhân	491	5.533.975	80.03
Tổng cộng	496	6.915.019	100



Cơ cấu Cổ đông trong nước và quốc tế

	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ Cổ phần (%)
■ Trong nước	489	6.802.019	98.97
■ Quốc tế	07	113.000	1.63
Tổng cộng	496	6.915.019	100

Cơ cấu cổ đông chia theo tiêu chí trong nước và nước ngoài thể nhân và pháp nhân



	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ Cổ phần (%)
--	------------------	------------------	-------------------

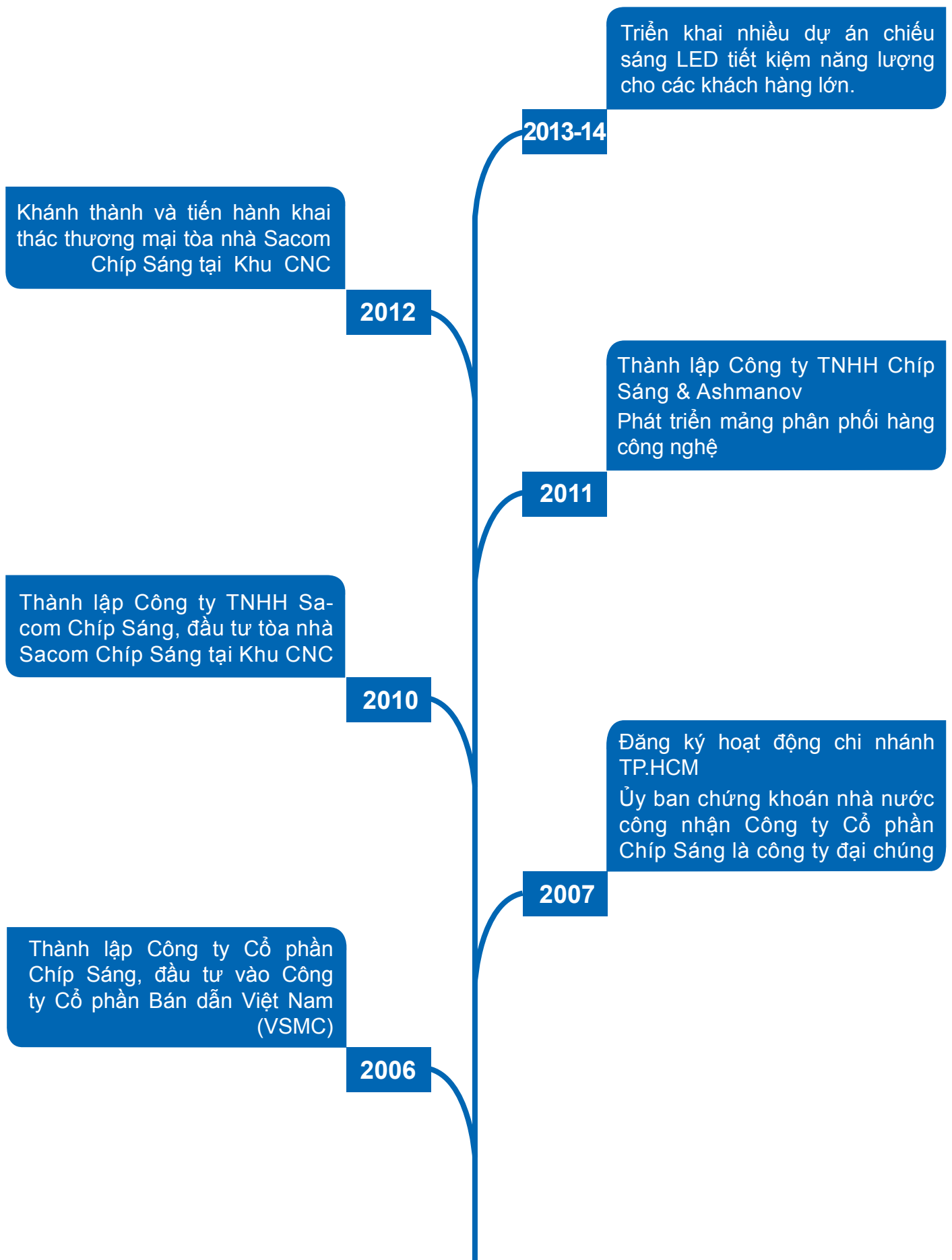
Cổ đông trong nước

■ Pháp nhân	05	1.381.044	19.97
■ Thể nhân	484	5.420.975	78.4
Tổng cộng	489	6.802.019	98.37

Cổ đông nước ngoài

□ Pháp nhân	00	0	0
■ Thể nhân	07	113.000	1.63
Tổng cộng	07	113.000	1.63

Lịch sử phát triển



PHẦN 2:

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

<i>Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản Trị</i>	10
<i>Phát triển bền vững</i>	11
<i>Chiến lược hoạt động</i>	12

Sáng tạo

LÀ NỀN TẢNG CỦA THÀNH CÔNG

Mong muốn hòa mình trong dòng chảy của tiến bộ, Công ty Cổ phần Chíp Sáng đã chọn công nghệ cao - một lĩnh vực đầu tư nhiều rủi ro - để phát triển trong dài hạn.

Chập chững tham gia từ rất sớm vào một lĩnh vực mới mẻ đối với nhiều doanh nghiệp, được thử lửa quyết liệt qua nhiều thử thách cam go, nhưng Chíp Sáng vẫn luôn thể hiện bản lĩnh vững vàng, thông qua những quyết định kinh doanh khôn khéo và hợp thời, vừa kiên định với “ngành nghề cốt lõi” mà các nhà sáng lập đã lựa chọn là công nghệ cao vừa biết uyển chuyển đi vào kinh doanh nhiều lĩnh vực khác để kịp thời nắm bắt cơ hội mới xuất hiện trên thị trường nhằm giúp công ty vượt qua sóng gió do diễn biến của tình hình kinh tế vĩ mô.

Những nhà sáng lập ban đầu đầy tâm huyết của Chíp Sáng đến nay vẫn tiếp tục đóng góp trí tuệ và kinh nghiệm của mình cho công ty. Hội đồng quản trị đoàn kết, gắn bó thực hiện đầy đủ và sát sao nhiệm vụ nắm vững tay chèo trong tình thần trách nhiệm cao nhất đối với hơn năm trăm cổ đông của công ty. Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Chíp Sáng đoàn kết, không ngại khó, lao động nghiêm túc và sáng tạo vì ý thức rõ ràng rằng sự lớn mạnh của Chíp Sáng cũng chính là sự thăng tiến của bản thân họ. Ngắn ấy điểm mạnh tạo nên tiềm năng phát triển rất to lớn của công ty và khiến tất cả chúng ta tin tưởng rằng, cùng với sự cải thiện của tình hình kinh tế chung, tương lai của Chíp Sáng là xán lạn.

Với tư cách Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng, tôi cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông, sự tin cậy của các đàn anh đã sáng lập công ty, sự hợp tác rất hiệu quả của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên công ty. Tôi hết sức mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, tin cậy và hợp tác quý báu đó. Tôi hết sức vững tin rằng càng ngày chúng ta sẽ càng nhận được nhiều tin vui hơn về kết quả “ăn nên làm ra” của công ty chúng ta.

Hãy cùng Chíp Sáng thấp sáng niềm tin!



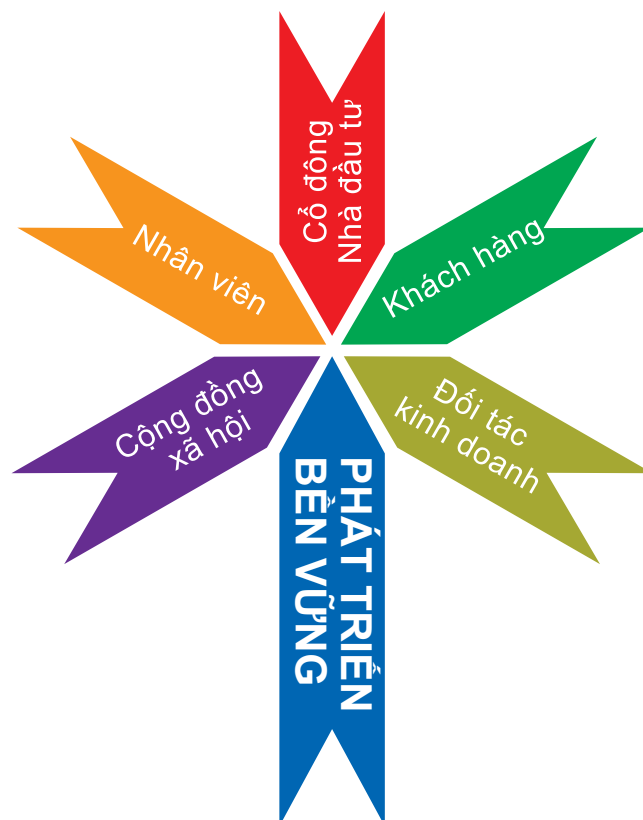
Ông Lương Văn Lý
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phát triển bền vững

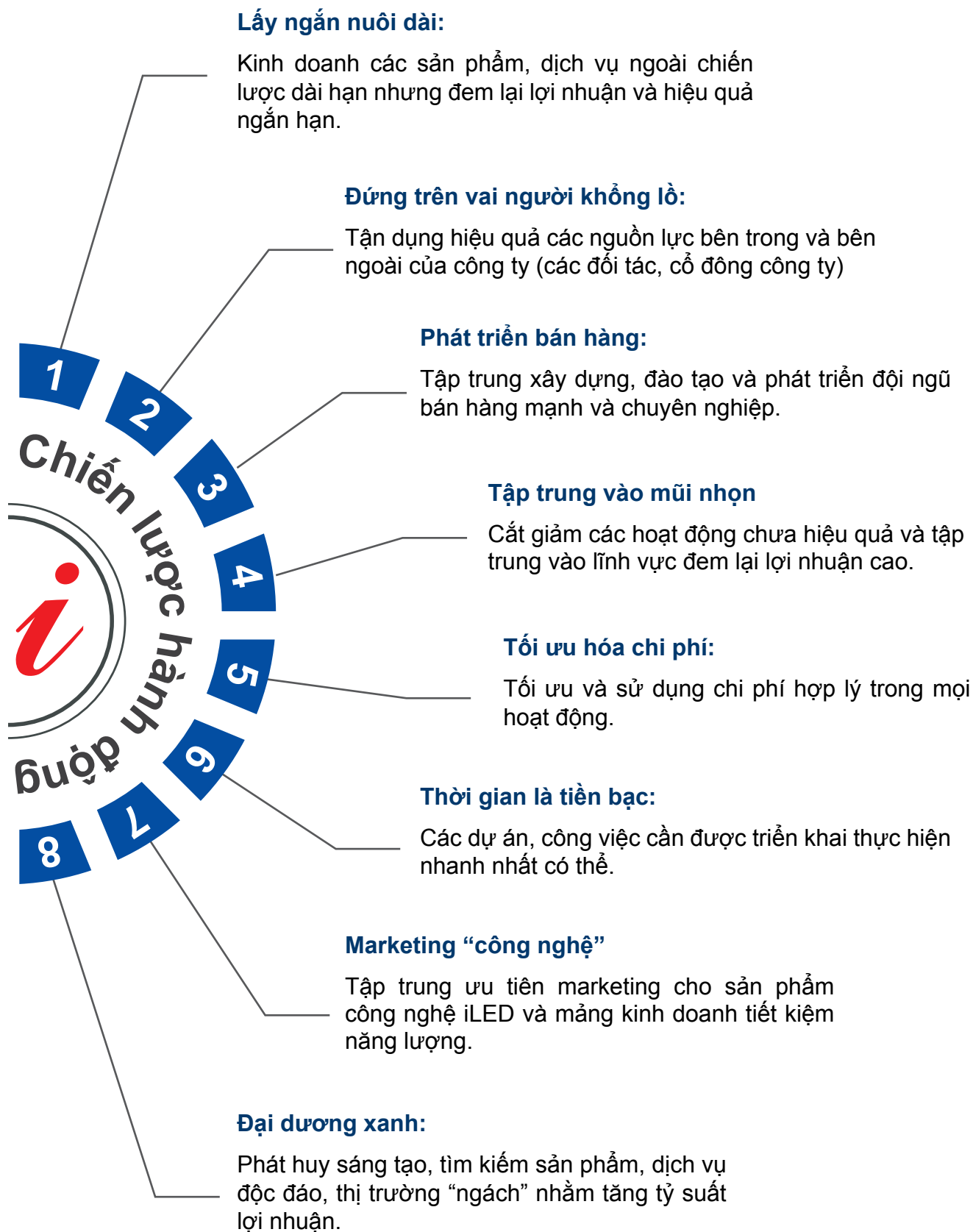
Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của Chíp Sáng.

Chíp Sáng xác định Công ty chỉ có thể phát triển nếu kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện phụng sự xã hội; đảm bảo và cân bằng lợi ích Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cán bộ công nhân viên và cộng đồng xã hội.



Tăng trưởng kinh tế	Phụng sự xã hội	Bảo vệ môi trường
Kiến tạo cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề cốt lõi là Công Nghệ Cao. Mở rộng thị phần; nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững. Cam kết các chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác kinh doanh, Khách hàng.	Cải tiến chất lượng, ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến nhằm cung cấp các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất cho xã hội, đặc biệt là các hoạt động có tính nhân văn sâu sắc, mang tính hỗ trợ thiết thực và bền vững. Phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho Cán bộ Công nhân viên, tạo điều kiện cho các cá nhân phát triển bản thân, phát huy năng lực.	Ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường trong các mảng hoạt động kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng, cải thiện chất lượng môi trường sống xung quanh. Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên; tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng cao.

Chiến lược hành động:

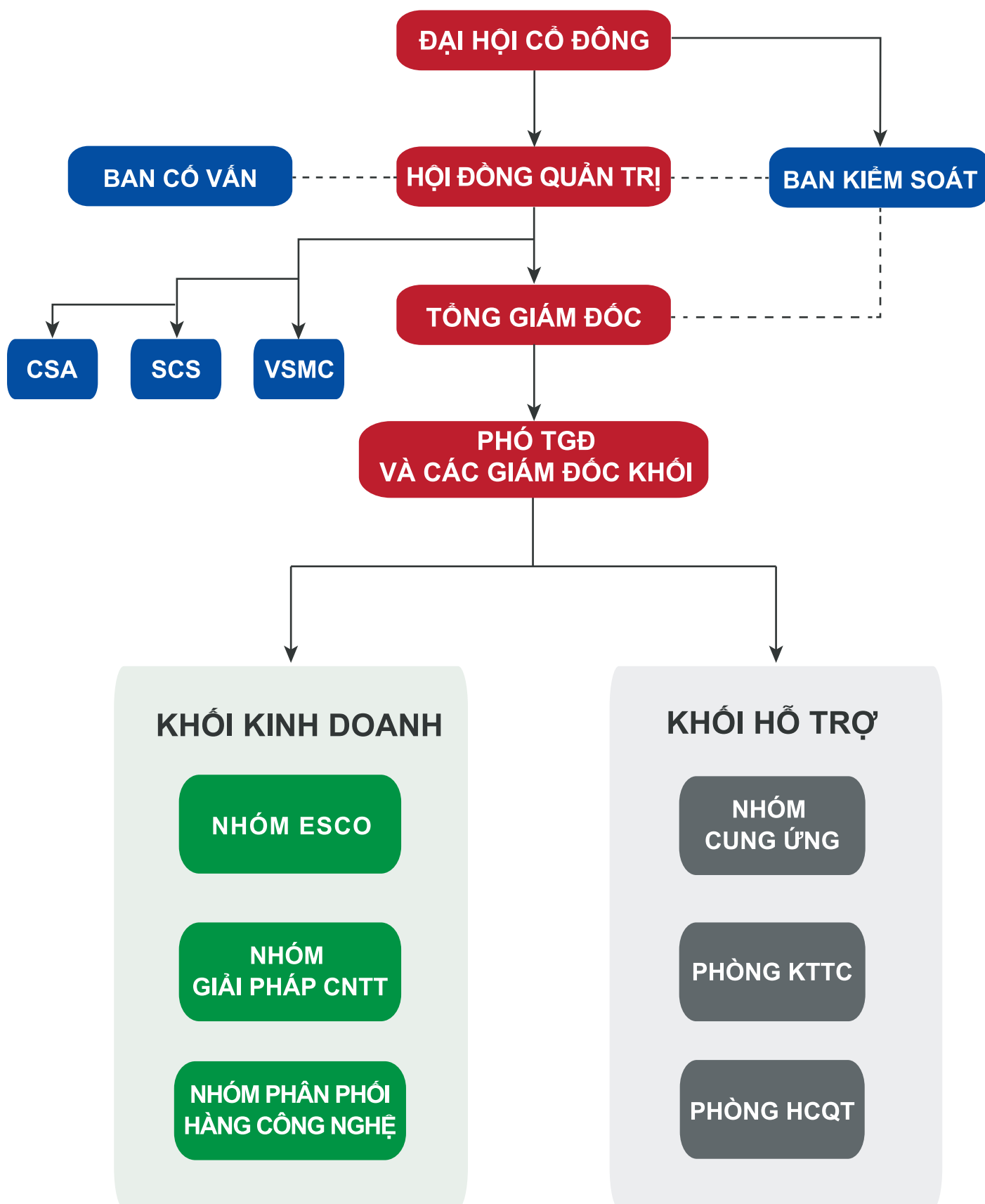


PHẦN 3:

CƠ CẤU TỔ CHỨC

<i>Sơ đồ tổ chức công ty</i>	14
<i>Công ty con và công ty liên kết</i>	15
<i>Ban quản trị</i>	16
<i>Cơ cấu nhân sự</i>	20

Sơ đồ tổ chức công ty

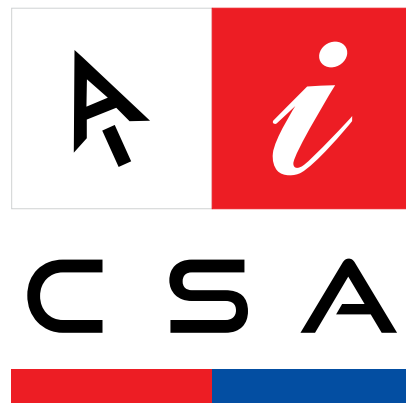


Công ty con và Công ty liên kết

Công ty thành viên trực thuộc

Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (CSA) là liên doanh giữa Công ty cổ phần Chíp Sáng (Việt Nam) và Công ty cổ phần Ashmanov & Partners (CHLB Nga) được thành lập năm 2011 tại Khu Công nghệ cao Tp.HCM với hình thức Công ty Trách nhiệm Hữu hạn hai thành viên trở lên.

Lĩnh vực kinh doanh: giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông online.



Công ty liên kết

SACOM[®] chipsáng
BRILLIANT CHIP JOINT STOCK COMPANY



Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng (SCS) thành lập năm 2010, là liên doanh giữa Công ty Cổ phần Chíp Sáng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sacom.

Lĩnh vực kinh doanh: quản lý và khai thác kinh doanh tòa nhà Sacom - Chíp Sáng.

Công ty cổ phần bán dẫn Việt Nam (VSMC) thành lập năm 2006, chuyên nghiên cứu, thiết kế và phát triển các sản phẩm vi mạch bán dẫn.

Lĩnh vực kinh doanh: thiết kế Chíp, Chíp thông minh, Data Logger, IP Silicon...

Tổng quan về Quản Trị Công ty

Trách nhiệm quản trị Công ty được thực hiện bởi Đại hội đồng Cổ đông Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành; được xây dựng trên cơ sở pháp luật và quy định áp dụng theo quy chế Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng (hoặc gia hạn) kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và quy chế Công ty. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông cũng thông qua định hướng phát triển, báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại bao gồm năm (05) thành viên; trong đó có một (01) thành viên điều hành, 4 thành viên không điều hành bao gồm:

Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó CT HĐQT
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên (kiêm TGĐ)

Hội đồng Quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác.

Hội đồng Quản trị tổ chức họp hàng quý để đánh giá tình hình kinh doanh, kết quả hoạt động và thảo luận những vấn đề nằm trong thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ được tổ chức khi cần thiết.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty cũng như các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát hiện tại bao gồm ba (03) thành viên:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập để thực hiện các công việc được giao nếu cần thiết.

Ban Điều hành

Ban điều hành bao gồm Tổng giám đốc công ty mẹ; Tổng giám đốc, Giám đốc công ty con và công ty liên kết.

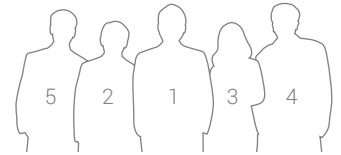
Hàng tháng, các cuộc họp được tổ chức trong Ban Điều hành nhằm đánh giá hoạt động thường kỳ của các mảng kinh doanh và thảo luận các vấn đề quan trọng khác.

Ban Cố vấn

Ban cố vấn bao gồm các cựu lãnh đạo công ty, các chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh của công ty.

Ban cố vấn hướng dẫn cho công ty về chiến lược kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động và củng cố khả năng của công ty dựa trên những kinh nghiệm và những nền tảng khác nhau.

Hội đồng Quản Trị



1. Ông LƯƠNG VĂN LÝ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Lý tốt nghiệp Thạc sỹ Viện Cao học Quốc tế học tại Geneva, Thụy Sĩ.

Ông Lương Văn Lý từng giữ nhiều chức vụ quan trọng Sở Ngoại vụ Tp. HCM, Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. HCM,

Hiện tại, ông Lương Văn Lý là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chíp Sáng; Cố vấn kiêm Trưởng bộ phận Đầu tư và Thương mại của Công ty Luật VLT Lawyers, Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị Quỹ hạ tầng Vinacapital (Vinacapital Infrastructure Fund) và Quỹ Blackhorse (Blackhorse Asset Management).

2. Ông NGUYỄN ANH ĐỨC

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ông Nguyễn Anh Đức từng làm việc tại một số công ty có vốn đầu tư nước ngoài và Ban Tài chính Quản trị và Ban Tổ chức Thành ủy Tp. HCM.

Hiện tại, ông Nguyễn Anh Đức là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chíp Sáng, Phó Tổng Giám đốc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Tp. HCM (Saigon Co.op), Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Tp. HCM (YBA).

3. Bà HỒ MỸ HÒA

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Hồ Mỹ Hòa hiện là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chíp Sáng, Giám đốc Tài chính Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Tp. HCM (Saigon Co.op).

4. Ông PHẠM HỒNG KỲ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Là Tiến sĩ ngành Điện tử, ông Phạm Hồng Kỳ đã từng đảm nhận những vị trí quan trọng thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hiện nay, ông Phạm Hồng Kỳ là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chíp Sáng, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học - Viện Khoa học và Công nghệ Phương Nam, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần VSMC.

5. Ông NGUYỄN QUANG TRUNG

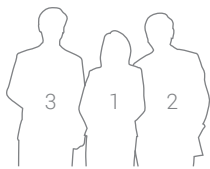
*Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc*

Ông Nguyễn Quang Trung là Tiến sĩ chuyên ngành Hệ thống viễn thông và mạng máy tính tại ĐHTH Giao thông đường sắt Matxcova - CHLB Nga.

Ông đã từng công tác tại Học viện CNBCVT cơ sở Tp. HCM; Công ty Cổ phần dịch vụ BCVT Sài Gòn (SPT).

Hiện nay, ông là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chíp Sáng & Ashmanov, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng.





BAN KIỂM SOÁT

1. Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chíp Sáng, Kế toán Trưởng Công ty Đầu tư Phát triển Hoa Lâm.

2. Ông PHẠM NGỌC TUẤN

Thành viên Ban Kiểm soát

Từng tu nghiệp chuyên môn tại Nhật Bản, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Đại học ULB - Solvay Bỉ, ông Phạm Ngọc Tuấn từng giữ các chức vụ cao cấp tại Công ty điện tử TIE, Công ty Samsung Vina, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT).

3. Ông NGÔ QUỐC HÙNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ông Ngô Quốc Hùng đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản.

Hiện tại, Ngô Quốc Hùng là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chíp Sáng, Tổng Giám đốc Công ty Tư vấn và Đầu tư Trường Sa, Cố vấn về pháp luật và quản trị cho Chủ tịch Công ty Phi Tuyên.



Ban cố vấn

Ông TRẦN THIỆN TỬ ◀

Thành viên Ban Cố vấn

Là Đại biểu Quốc hội khóa 8, ông Trần Thiện Tứ từng giữ vị trí lãnh đạo tại Ủy ban Hợp tác & Đầu tư Tp. HCM, Sở Kinh tế Đối ngoại Tp. HCM; Tổng Công ty IMEXCO, Sở KH&ĐT Tp. HCM, KCX & CN Tp. HCM (HEPZA).

Ông Trần Thiện Tứ là Ủy viên Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Tp. HCM, Cố vấn chiến lược và là Bí thư Chi bộ Công ty CP Chíp Sáng.



▶ Ông PHẠM CHÁNH TRỰC

Thành viên Ban Cố vấn

Nguyên là Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Tp. HCM, Trưởng Ban Quản lý KCNC Tp. HCM; ông Phạm Chánh Trực đã có những đóng góp cho quá trình phát triển của Tp. HCM.

Ông là sáng lập viên và hiện là cố vấn chiến lược của Công ty Chíp Sáng.

▶ Ông TRẦN THÀNH TRẠI

Thành viên Ban Cố vấn

Ông Trần Thành Trại là một trong những Phó Giáo sư có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo Công nghệ Thông tin tại Tp. HCM và Việt Nam.

Hiện nay, ông Trần Thành Trại là Cố vấn cho Khoa Công nghệ Thông tin tại trường Đại học Mở Tp. HCM, Cố vấn Đại học Quốc tế Miền Đông và là cố vấn chiến lược của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Ban điều hành - quản lý



▶ Ông NGUYỄN QUANG TRUNG

*Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc Công ty CP Chíp Sáng*

(Xem thông tin chi tiết trang 17)

Ông LÂM CHI THƯƠNG ◀

Tổng Giám đốc CSA

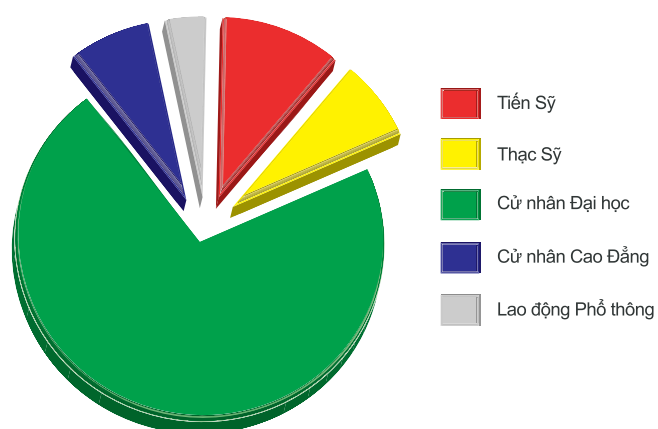
Là Thạc sỹ Điện tử Viễn thông, ông Lâm Chi Thương từng công tác lâu năm tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT).

Hiện nay, ông Lâm Chi Thương là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (CSA).

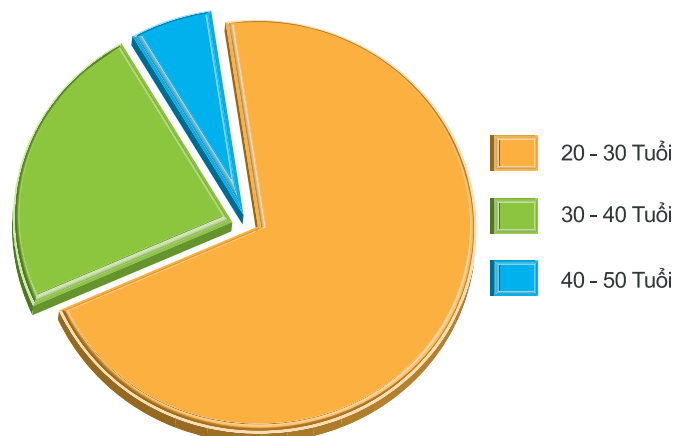


Cơ cấu nhân sự

Theo trình độ:



Theo độ tuổi:



“Chíp Sáng tự hào khi có đội ngũ CBCNV trẻ, đam mê và nhiệt huyết. Với những sáng kiến mới và tư duy sáng tạo không ngừng nghỉ, mỗi nhân viên tại Chíp Sáng đã và đang đóng góp công sức rất lớn cho việc phát triển của Công ty.”

PHẦN 4:

BÁO CÁO NĂM 2014

<i>Thông tin chung</i>	22
<i>Báo cáo tình hình quản trị</i>	23
<i>Báo cáo Hội đồng Quản trị</i>	26
<i>Báo cáo Ban Kiểm soát</i>	30
<i>Báo cáo Ban Điều hành</i>	34
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất 2014</i>	39

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày thành lập báo cáo này như sau:

1. Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
3. Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên
4. Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
5. Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày thành lập báo cáo này như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
2. Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
3. Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

Người đại diện theo pháp

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày thành lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán Độc Lập RSM DTL Auditing là Công ty kiểm toán độc lập của Công ty Cổ phần Chíp Sáng năm cho năm tài chính 2014.

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2014

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch	05	100%	
2	Ông Nguyễn Anh Đức	Phó chủ tịch	05	100%	
3	Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên	05	100%	
4	Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên	05	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	05	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc:

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc đều có sự giám sát và chỉ đạo kịp thời của HĐQT.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

II. Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2014):

STT	SỐ BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/BB-HĐQT	28/02 2014	- Tổng hợp kết quả kinh doanh năm 2013 và dự kiến chỉ tiêu tài chính, kế hoạch ngân sách năm 2014. - Trình bày về việc tái cấu trúc Công ty, bổ nhiệm nhân sự vị trí Kế toán trưởng Công ty, Thư ký Công ty, Phó Tổng Giám Đốc Công ty. - Trình bày kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
2	22/QĐ-HĐQT	17/03 2014	Bãi nhiệm Kế toán trưởng Công ty CP Chíp Sáng
3	02/BB-HĐQT	28/03 2014	- Thống nhất bổ nhiệm Ông Lê Huỳnh Lân làm phó Tổng Giám Đốc, phụ trách mảng kinh doanh. - Thống nhất cử bà Hồ Mỹ Hòa làm đại diện cho công ty với vai trò Trưởng ban kiểm soát trong liên doanh Sacom Chíp Sáng (SCS) thay thế bà Phạm Thị Phương Thu đã nghỉ việc. - Thống nhất ngày tổ chức Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2014 là Sáng thứ bảy ngày 24/5/2014
4	23/QĐ-HĐQT	31/03 2014	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
5	27/QĐ-HĐQT	31/03 2014	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty

6	28/QĐ-HĐQT	11/04 2014	- Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
7	03/BB-HĐQT	11/04 2014	- Thống nhất Ngân hàng TMCP XNK VN (Eximbank)-CN Q 10 cấp tín dụng
8	04/BB-HĐQT	25/04 2014	- Thống nhất định hướng phát triển mǎng kinh doanh giải pháp CNTT. - Thông qua báo cáo của Tổng giám đốc về phương án kinh doanh tòa nhà - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 - Thông qua nội dung Quy chế tổ chức và các tài liệu báo cáo trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2014
9	01/NQ-ĐHCD	24/05 2014	- Thông qua các Báo cáo của HĐQT, BKS & Ban điều hành về hoạt động năm 2013 và định hướng chiến lược hoạt động năm 2014 - Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán tại Công ty - Thông qua thù lao năm 2013 và kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 - Thống qua HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2014.
10	01/BB-ĐHCD	24/05 2014	- Thông qua danh sách Chủ tọa Đoàn, Thư ký Đoàn, Ban Kiểm phiếu - Thông qua quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 - Thông qua thù lao năm 2013 & kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2014 - Lựa chọn công ty kiểm toán tài chính năm 2014.
11	29/QĐ-HĐQT	03/06 2014	- Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
12	30/QĐ-HĐQT	01/08 2014	- Lựa chọn kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2014
14	05/BB-HĐQT	05/09 2014	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty CP Chíp Sáng - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty TNHH Chíp Sáng & Ashmanov - Bổ nhiệm nhân sự vị trí Tổng giám đốc Công ty TNHH Chíp Sáng & Ashmanov, Thư ký công ty CP Chíp Sáng.
15	31/QĐ-HĐQT	23/09 2014	- Bổ nhiệm Thư ký Công ty CP Chíp Sáng.

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo năm 2014):

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Phạm Thị Phương Thu		Kế toán trưởng							Theo Quyết định số 22 ngày 17/03/2014 thông qua bài nhiệm kế toán trưởng

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo năm 2014):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
-----	----------------------	--	------------------------------	---------------	---------------------	--------------------	---------	----------------------------	-------------------------------	---------

2. Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
-----	---------------------------	----------------------------	---------------------------	----------------------------	--

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo năm 2014): Không


Chữ tích HĐQT
Lương Văn Lý

Báo cáo Hội đồng Quản trị

Tình hình tài chính tổng quát

Một số chỉ tiêu tổng quát theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tổng giá trị tài sản	71.362.509.156	82.130.386.960
- Tài sản ngắn hạn	24.730.488.010	33.831.897.359
- Tài sản dài hạn	46.632.021.146	48.298.489.601
Tổng nguồn vốn	71.362.509.156	82.130.386.960
- Nợ phải trả	9.264.403.456	15.786.384.941
- Vốn chủ sở hữu	61.378.483.440	65.221.030.576
- Lợi ích CĐ thiểu số	719.622.260	1.122.971.443
Lợi nhuận trước thuế	(5.109.084.433)	(6.691.284.375)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch kinh doanh công ty Chíp Sáng

Tình hình thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% thực hiện/KH
Tổng doanh thu	44.313	28.048	63,29%
• Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	42.413	26.836	63%
• Doanh thu hoạt động tài chính	582	1.017	175%
• Lợi nhuận khác	1.318	195	15%
Chi phí	41.441	33.951	82%
• Giá vốn hàng bán	33.611	21.615	64%
• Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.350	5.045	94%
• Chi phí tài chính	450	381	85%
• Chi phí bán hàng	2.030	1.700	84%
• Lỗ trong công ty LD LK	-	5.210	-
Lợi nhuận trước thuế	2.872	(5.903)	(205)%

Thuyết minh:

- Tình hình hoạt động công ty không đạt kế hoạch. Khoản lỗ chủ yếu đến từ việc trích lập dự phòng tài chính cho các công ty con và công ty liên kết liên doanh.

Những hoạt động và thay đổi trong năm

Trong năm 2014, thông qua 05 cuộc họp và các hình thức trao đổi thông tin qua email, điện thoại ..., HĐQT đã thường xuyên và liên tục theo dõi công việc kinh doanh của công ty và hoạt động của Ban Điều hành công ty, đồng thời đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong việc thông qua kế hoạch kinh doanh của năm 2014 và quyết định phương hướng đầu tư cũng như các dự án đầu tư của công ty. Do vậy, HĐQT và trước hết là Chủ tịch HĐQT xin nhận phần trách nhiệm của mình đối với việc kết quả kinh doanh của công ty không đạt kế hoạch đề ra như trên đã báo cáo. Có hai trường hợp cụ thể cần nêu lên trong tinh thần HĐQT nghiêm khắc tự phê bình về những thiếu sót của mình.

Trường hợp thứ nhất là hoạt động cung cấp giải pháp công nghệ thông tin. Chênh lệch giữa doanh thu trên kế hoạch và doanh thu thực tế từ hoạt động này quá lớn cho thấy HĐQT đã phê duyệt một kế hoạch doanh thu không thực tế, không nắm bắt được là trong tình hình kinh tế vĩ mô chung khó khăn, nhiều doanh nghiệp ngại chi tiêu cho những sản phẩm mà mình chưa quen thuộc. Đến giữa năm 2014, trên cơ sở kết quả kinh doanh của sáu tháng đầu năm cho đến 30/6/2014, doanh thu của hoạt động giải pháp công nghệ thông tin đạt chín mươi hai triệu đồng (92.000.000 VND) trên kế hoạch của năm là năm tỷ đồng (5.000.000.000 VND), HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành có những biện pháp khẩn cấp để cải thiện tình hình nhưng hiệu quả vẫn rất khiêm tốn đạt được doanh thu bốn trăm ba mươi tám triệu đồng (438.000.000 VND).

Trường hợp thứ hai là công ty liên kết Chíp Sáng – Ashmanov (CSA). Trước tình hình kinh doanh chậm chạp và kém hiệu quả của CSA, HĐQT đã không kịp thời quyết định những biện pháp để hạn chế thiệt hại về tài chính và xoay chuyển tình hình.

Định hướng phát triển 2015

Năm 2015 tiếp tục sẽ là một năm khó khăn và thách thức cho nền kinh tế Việt nam nói chung và công ty nói riêng.

Do đó trong năm 2015, HĐQT quyết định tiếp tục định hướng “Hạn chế đầu tư chiều rộng; Tranh thủ thời cơ đầu tư chiều sâu” với hai mục tiêu chính: i/ Đảm bảo hoạt động có lãi; và ii/ tích lũy điều kiện thuận lợi để từng bước thực hiện Tầm nhìn của công ty.

Những dự án trọng điểm của công ty, mà thực tế những năm qua đã chứng tỏ hiệu quả kinh tế sẽ được tiếp tục thực hiện và tùy điều kiện nâng lên những quy mô mới. Cụ thể như sau:

Giải pháp tiết kiệm năng lượng (ESCO)

Cho đến ngày 31/12/2014 công ty đã triển khai thành công nhiều dự án hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng lớn cho các khách hàng có uy tín như công ty Vinamilk, Dệt Phong Phú, Dược Hậu Giang..., mang lại doanh thu 9.448.637.884 VND. Đây là một kết quả đầy tính thuyết phục và với kết quả này, Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm cạnh tranh, trang bị thêm cho mình nhiều kiến thức kỹ thuật và tạo được cho mình một tên tuổi trong thị trường tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam. Trên nền tảng vững chắc như vậy, bước sang năm 2015, hoạt động kinh doanh ESCO sẽ được đẩy mạnh hơn nữa với tham vọng đưa Chíp Sáng trở thành một trong những công ty dẫn đầu lĩnh vực này tại Việt nam.

Phân phối hàng công nghệ

Trong năm hoạt động kinh doanh phân phối hàng công nghệ với những sản phẩm điện tử, điện gia dụng có giảm sút so với các năm trước do công ty, theo chỉ đạo của HĐQT, phải điều chỉnh danh mục mặt hàng, lựa chọn các mặt hàng kinh doanh hiệu quả, cắt giảm các mặt hàng không hiệu quả. Việc điều chỉnh này tuy thực hiện chậm nhưng đã hoàn tất. Trong năm 2015, công ty sẽ tăng cường hiệu quả của hoạt động phân phối hàng công nghệ bằng cách đẩy mạnh đa dạng hóa cơ cấu mặt hàng (theo hướng tăng cường các sản phẩm có hàm lượng cao về công nghệ để tạo sự khác biệt đối với các doanh nghiệp bán hàng khác) từ những nguồn cung cấp có uy tín với khách hàng Việt Nam ở các nước Đông Nam Á, Nhật Bản và Hàn quốc.

Giải pháp công nghệ thông tin

Tạm ngưng hoạt động này trong năm 2015 do chưa tìm được phương hướng kinh doanh thích hợp để nâng cao hiệu quả

Dự án CSA

Trong năm 2015, trước mắt, HĐQT sẽ chỉ đạo CSA hoạt động theo hướng tối ưu hóa chi phí và kinh doanh có lãi. Về sản phẩm, tập trung phát triển dịch vụ quảng cáo trực tuyến tổng thể với nền tảng là hệ thống NORON.VN và dịch vụ lọc web thông minh (hợp tác với các ISP). Trong dịch vụ lọc web, CSA vẫn giữ mục tiêu đã xác định là triển khai thành công dịch vụ Internet sạch (CleanNet) cho mạng 3G của Viettel và kinh doanh mảng dịch vụ quảng cáo trực tuyến tổng thể. Bên cạnh những biện pháp kinh doanh trước mắt, chúng ta cần một giải pháp căn cơ hơn cho CSA. Trong năm 2015, với sự theo dõi và chỉ đạo của HĐQT, một kế hoạch tổng thể về tương lai của CSA, có tính toán thấu đáo đến nhu cầu của thị trường Việt Nam và khả năng đóng góp sắp tới của hai đối tác trong liên doanh, sẽ được đưa ra để trao đổi, thương lượng và cuối cùng là quyết định với đối tác là công ty CP Ashmanov & Partners.

Văn phòng cho thuê

Tòa nhà Sacom Chíp Sáng (SCS) tại Khu CNC, hiện tại vẫn chưa phát huy được thế mạnh của mình là một cao ốc văn phòng với tiện nghi làm việc và sinh hoạt hiện đại và là một dự án văn phòng cho thuê duy nhất đang được triển khai trong Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (Khu CNC). Một trong những lý do quan trọng là nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư quy mô vừa và nhỏ, còn nhiều vướng mắc về thủ tục khi muốn vào đầu tư tại Khu CNC. Mặt khác, đối tác của Chíp Sáng trong dự án này, Công ty SACOM (chiếm% vốn điều lệ của dự án), vì lý do nội bộ đang thăm dò thị trường để chuyển nhượng phần vốn góp của họ trong dự án cho một bên thứ ba. Hiện nay HĐQT Chíp Sáng vẫn đang để ngỏ hai khả năng: Khả năng thứ nhất: Tiếp tục cùng hợp tác với SACOM hoặc với bên nhận chuyển nhượng vốn góp của SACOM để kinh doanh tòa nhà. Để thực hiện khả năng này, yêu cầu của Chíp Sáng là cùng thống nhất với bên đối tác để đưa ra kế hoạch lấp đầy diện tích cho thuê trong năm 2015. Khả năng thứ hai: trong trường hợp SACOM tìm được người nhận chuyển nhượng và giá chuyển nhượng phù hợp với lợi ích của Chíp Sáng, Chíp Sáng sẽ tham gia đàm phán để chuyển nhượng phần vốn góp của Chíp Sáng cùng với SACOM. Tóm lại, quyết định chọn khả năng nào trong hai khả năng vừa nêu sẽ tùy thuộc vào hai điều kiện: i/ Có tìm được bên nhận chuyển nhượng hay không; và ii/ Cân nhắc về hiệu quả kinh tế giữa chuyển nhượng vốn hay tiếp tục kinh doanh dự án. Hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng ở 253 Điện Biên Phủ trong năm 2014 là khả quan và năm 2015 sẽ tốt đẹp hơn. Từ tháng 2 năm nay, diện tích cho thuê tòa nhà đã được lấp đầy 100%. Đây sẽ là nguồn thu ổn định giúp công ty thực hiện kế hoạch “lấy ngắn nuôi dài”.

Các dự án đầu tư khác

Bên cạnh các dự án trọng điểm nêu ở phần trên, HĐQT cũng yêu cầu ban Điều hành tích cực tìm kiếm những cơ hội đầu tư mới để tận dụng nguồn tài chính chưa sử dụng của công ty và tăng thêm doanh thu cho công ty.

Trong năm 2014, quá trình “leo dốc” của công ty vẫn chưa đạt được hiệu quả mà cổ đông có quyền đòi hỏi. Tuy nhiên, trong quá trình đối đầu với thách thức, công ty đã xác định được những lĩnh vực hoạt động thuộc thế mạnh của mình như hoạt động ESCO và phân phối hàng công nghệ. Bên cạnh đó, hoạt động cho thuê tòa nhà văn phòng ở số 253 đường Điện Biên Phủ cũng tiếp tục thực hiện và bảo đảm cho công ty một nguồn doanh thu ổn định, giúp công ty phần nào giải quyết được khó khăn về tài chính. Cuối cùng những dự án không mang lại hiệu quả tài chính sẽ được chấn chỉnh hoặc thay thế bằng những dự án đầu tư mới phục vụ tốt hơn cho lợi ích của công ty. Những dự án đang phát huy tốt và những dự án mới được chọn lọc kỹ là những bộ phận rất rõ nét và vững vàng để công ty thực hiện được mục tiêu trong năm của mình là hoạt động có lãi.

Thay mặt HĐQT, tôi xin khẳng định đây là mục tiêu lớn nhất của công ty chúng ta hiện nay và trước mắt và tôi xin hứa mọi nỗ lực sẽ được tập trung và mọi biện pháp cần thiết sẽ được tiến hành với quyết tâm cao nhất để thực hiện cho bằng được mục tiêu này. HĐQT hiểu rằng đây là cơ hội cuối cùng để làm tròn trách nhiệm của mình đối với cổ đông của công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015.

TM. Hội đồng quản trị

Chu tịch HĐQT

Lương Văn Lý

Báo cáo Ban kiểm soát

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chíp Sáng đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát hiện có 3 thành viên. Năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định của Công ty.
- Tham gia và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra hoạt động của công ty con, công ty liên doanh.
- Theo dõi các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 trước và sau kiểm toán.
- Kiểm tra chi phí hoạt động của công ty.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của công ty

II.1 Công tác quản trị - điều hành của HĐQT& Tổng GD:

Trong năm 2014 Hội đồng quản trị đã tiến hành 5 cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của mỗi quý cũng như thống nhất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chương trình nghị sự của các cuộc họp Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Thông qua kết quả sản xuất 2013, kế hoạch SXKD năm 2014; trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của từng mảng dịch vụ và có những quyết nghị cụ thể đối với từng mảng dịch vụ.
- Lựa chọn công ty kiểm toán DTL là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán BCTC năm 2014.
- Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt trong công ty và các công ty liên doanh.
- Quyết định lùi ngày tổ chức đại hội cổ đông năm 2014, dự kiến 24/5/2014.
- Phương án vay vốn lưu động triển khai các dự án Vinamilk.
- Và quyết nghị một số vấn đề khác liên quan:
 - Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty.
 - Năm 2014, công ty không phát sinh tranh chấp và Ban Kiểm soát cũng không nhận được đơn thư của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.
 - Trong năm, có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty và công ty liên doanh.

II.2 Hoạt động kinh doanh của Chíp Sáng và các công ty con, công ty liên kết:

(1) Công ty CP Chíp Sáng:

- Mảng kinh doanh hàng điện gia dụng trong năm 2014 chỉ đạt 65% kế hoạch. Năm 2014, mảng kinh doanh này đã không mang lại lợi nhuận cho công ty và mảng kinh doanh này vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro về thu hồi nợ, chi phí bảo hành,... Ban điều hành cần đánh giá lại phương thức quản lý và kinh doanh hàng điện gia dụng để có những biện pháp cải tiến phù hợp.
- Dịch vụ ESCO (bao gồm tư vấn cung cấp giải pháp chiếu sáng tiết kiệm và thi công công trình chiếu sáng dùng thiết bị Led) là mảng kinh doanh trọng yếu của công ty tuy chỉ đạt được 74% kế hoạch, nhưng đã tạo được một doanh số rất tốt so với năm 2013. Thương hiệu của Chíp Sáng đã được biết đến trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng chiếu sáng. Đây là mảng kinh doanh rất tiềm năng và là dịch vụ chính của công ty, Ban điều hành cần tập trung nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.
- Giải pháp công nghệ thông tin, cụ thể là mảng kinh doanh hàng B2B đối với Samsung không mang lại hiệu quả. Đây là mảng chỉ tạo doanh thu, rủi ro rất ít và tỷ suất lợi nhuận cũng rất ít. Ban điều hành cần đánh giá lại và có các giải pháp phù hợp đối với mảng kinh doanh này.
- Dịch vụ VP cho thuê cũng đã mang lại doanh thu đáng kể, nhưng ảnh hưởng khó khăn chung của ngành địa ốc nên hiệu quả kinh doanh không còn như trước đây.
- Báo cáo kiểm toán cho thấy trong năm 2014, kết quả kinh doanh của Chíp Sáng lỗ 4.644.601.497 đ và báo cáo hợp nhất lỗ 4.245.896.319 đ.

(2) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết :

- Công ty CP Sacom Chíp Sáng (SCS):**

Kết quả kinh doanh năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	T.hiện 2014	So với KH	So với 2013
Doanh thu thuần (tỷ)	15.808.918.718	29.500.000.000	9.580.930.647
Khấu hao (tỷ)	7.464.482.882	10.000.000.000	10.059.36.892
Chi phí tài chính (tỷ)	3.539.772.521	3.357.000.000	4.082.059.693
LN trước thuế (tỷ)	(3.994.052.578)	3.415.652.500	(10.868.204.052)

Toà nhà BCIS đã chính thức đi vào hoạt động vào ngày 15/8/2012. Cho đến nay tình hình kinh doanh và cho thuê văn phòng trong Khu công nghệ cao vẫn còn khó khăn. Tháng 10/2014, khách hàng lớn FPT, với diện tích thuê khoảng 2.196 m² chiếm gần 64% diện tích đang cho thuê, đã ngưng thuê tiếp; điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của BCIS. Dòng tiền kinh doanh đã ổn định, không vay tiếp ngân hàng mặc dù còn hạn mức vay. Lỗ tích lũy trong năm 2014, năm thứ hai đưa BCIS vào hoạt động là 10.373.101.893 đ.

- **Công ty CP bán dẫn Việt Nam:**

VSMC đã tạm ngưng hoạt động. Các khoản nợ phải thu từ VSMC đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ năm 2010, 2011. Trong năm, HĐQT và TGDĐ đã cố gắng xử lý, thu hồi nợ từ VSMC nhưng đến nay công ty vẫn chưa có kết quả.

- **Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov (CSA):**

Năm 2014, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc mới công ty CSA. CSA chủ yếu tập trung vào kinh doanh, nâng chất lượng sản phẩm và dịch vụ và tiết kiệm tối đa chi phí các loại; nhằm mục đích duy trì hoạt động và tìm cơ hội hợp tác với các khách hàng lớn để vực dậy hoạt động kinh doanh của CSA. Công tác bán hàng và thương mại hóa các sản phẩm tuy có khá hơn nhưng vẫn chưa đạt được yêu cầu, vẫn còn thua lỗ và hết vốn hoạt động. Đề nghị HĐQT và Tổng giám đốc công ty có các giải pháp để xử lý hoạt động và sự tồn tại của CSA.

Kết quả kinh doanh của CSA năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	TH 2014	KQ 2013
Doanh thu thuần	1.193.513.030	659.483.519
LNTT	(1.814.442.486)	(3.748.763.741)

II.3 Báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty và thống nhất xác nhận:

- Báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014.

II.4 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Cổ đông:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Thường xuyên tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt kịp thời mọi hoạt động của công ty.
- Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình
- Trong năm, Ban kiểm soát có liên lạc, trao đổi với một số cổ đông về những vấn đề có liên quan đến hoạt động công ty.

III Phương hướng hoạt động năm 2015:

Để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động năm 2015 như sau :

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát công tác quản lý và điều hành hoạt động Công ty của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông, tuân thủ các qui định của pháp luật, điều lệ và các qui định của Công ty.
- Phối hợp và tăng cường kiểm tra hoạt động của công ty con, công ty liên kết 3 tháng /lần.
- Kiểm tra hàng quý chi phí hoạt động của công ty Chip Sáng và công ty con CSA.
- Thẩm định báo cáo tài chính của công ty 6 tháng đầu năm 2015, báo cáo tài chính năm 2015 trước và sau kiểm toán.
- Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại của các cổ đông và của nội bộ công ty về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty (nếu có).

IV Kiến nghị:

- HĐQT và Ban điều hành cần có biện pháp cụ thể hơn trong việc giải quyết sự tồn tại hợp pháp của VSMC.
- HĐQT và Tổng giám đốc công ty cần đánh giá lại tình hình hoạt động của CSA. Nếu không mang lại hiệu quả như phương án kinh doanh được lập trước đây và không tìm được đối tác kinh doanh phù hợp nên tiến đến việc dừng hoạt động để tiết giảm chi phí phát sinh.
- Khai thác hiệu quả việc kinh doanh tòa nhà 253 Điện Biên Phủ.
- Tập trung nhiều hơn vào mảng kinh doanh ESCO, tăng tỷ lệ lợi nhuận mảng kinh doanh hàng công nghiệp.
- Tổng giám đốc cần tập trung nhiều hơn vào công tác kinh doanh và chỉ đạo tiết kiệm các loại chi phí.
- Công ty liên tục trong nhiều năm không hoàn thành kế hoạch đề ra. HĐQT và TGD công ty cần cải tiến và tập trung hơn nữa vào công tác quản trị và điều hành công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Báo cáo Ban điều hành

Tình hình tài chính và thông tin cổ đông

Vui lòng tham khảo báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

- Dưới đây là bảng tổng hợp một số chỉ tiêu cơ bản của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014:

Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối năm	Đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	34,65	41,19
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	65,35	58,8
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	13,98	19,22
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	86	79,41
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,96	2,67
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,68	1,93
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	-31,16	-15,8
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-12,18	-5,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	-14,16	-7,4

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:
 - Vốn điều lệ: 80.290.800.000 đồng
 - Vốn góp trong kì: 0 đồng
 - Vốn cuối kì: 80.290.800.000 đồng
 - Cổ phiếu quỹ: 1.114.061 Cổ phần
- Thông tin cổ đông:
 - Số lượng cổ đông hiện tại: 496 cổ đông, trong đó:
 - Cổ đông là Pháp nhân: 5 cổ đông với 1.381.044 cổ phần, chiếm 19,97% tổng số cổ phần Công ty, gồm:

STT	Đơn vị	Số Lượng CP
1	Liên Hiệp HTX-TM TP.HCM Saigon Coop	988.044
2	Công ty CP Tập Đoàn Thiên Long	152.000
3	Công ty CP Đầu tư Địa ốc Ôtô Phương Trang	140.000
4	Công ty TNHH Vi mạch điện tử Việt VMicro LED	100.000
5	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh VLXD Fico	1.000

- Cổ đông là người nước ngoài: 7 cổ đông (Quốc tịch Nhật) với 113.000 cổ phần, chiếm 1,63 % tổng số cổ phần Công ty.
- Tình hình chuyển nhượng trong năm 2014
 - o Tổng số giao dịch: 07 giao dịch
 - o Số CP được giao dịch: 341.069 CP
 - o Tỷ lệ %/Tổng số CP Công ty: 4,9%
- Tỷ lệ cổ phần của cổ đông sáng lập tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Liên Hiệp HTX-TM TP.HCM (Đ/d : Ô Nguyễn Anh Đức)	988.044	14,29%
2	Ông Nguyễn Quốc Hùng	140.560	2%
3	Bà Lê Thị Thanh Phương	26.700	0,38%
4	Ông Nguyễn Chánh Khê	46.800	0,68%
Tổng cộng		1.202.104	17,35%

Lưu ý: Căn cứ theo điều lệ của công ty, cho đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là cổ phiếu phổ thông.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2014

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014:

<i>Đơn vị tính: Đồng</i>			
Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ TH 2014/2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	31.586.303.242	28.553.690.608	87,62%
Các khoản giảm trừ	931.797.294	657.861.985	70,6%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	30.654.505.948	27.895.828.623	91%
Giá vốn hàng bán	26.407.605.911	22.554.560.024	85,4%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	4.246.900.037	5.341.268.599	125,76%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.391.793.655	951.698.922	68,37%
Chi phí tài chính	393.412.549	380.526.461	96,72%
Chi phí bán hàng	2.239.189.194	1.923.525.976	85,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.622.152.657	6.658.284.094	87,35%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-4.616.060.708	-2.669.369.010	57,82%
Thu nhập khác	780.613.560	259.008.695	33,18%
Phần lãi hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh	-2.855.787.179	-2.626.743.900	91,97%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-6.691.284.375	-5.109.084.433	76,35%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	-983.673.593	-863.188.114	87,75%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-5.707.610.782	-4.245.896.319	74,39%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-705	-556	78,86%

Một số kết quả đã thực hiện

Kết quả kinh doanh năm 2014 không như mong đợi và không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra. Với những kết quả như vậy, thay mặt cho HĐQT, TGD xin nghiêm túc kiểm điểm và nhận phần trách nhiệm lớn của mình trước HĐQT và ĐHCĐ. Đặc biệt là sự thiếu tập trung chỉ đạo trong một số mảng kinh doanh liên quan đến giải pháp công nghệ thông tin và liên doanh Chíp Sáng Ashmanov khiến những mảng này gặp nhiều khó khăn về doanh thu và tài chính.

Tuy vậy, nếu xét theo định hướng chiến lược lâu dài thì năm 2014 cũng đã ghi nhận một số kết quả đáng kể ra như sau:

Dịch vụ ESCO

Năm 2014, công ty đã triển khai thành công giải pháp tiết kiệm năng lượng tại 5 nhà máy của tập đoàn Vinamilk. Công ty cũng đã đăng ký và phát triển dòng thương hiệu iLED với nhiều sản phẩm chiếu sáng chất lượng cao. Thông qua thương hiệu này, Chíp Sáng đã khẳng định uy tín và vị thế tiên phong của mình trong thị trường giải pháp tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam. Ngoài ra, công ty cũng đã chính thức trở thành nhà tích hợp hệ thống EcoExpert của Schneider Electric Việt nam, chuyên cung cấp các giải pháp giám sát và quản lý năng lượng cho khách hàng.

Với việc giá điện tiếp tục tăng theo lộ trình của chính phủ (mới nhất là tăng 7,5% từ 16/3/2015), mảng dịch vụ cung cấp giải pháp tiết kiệm năng lượng ESCO hứa hẹn sẽ có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Phân phối hàng công nghệ

Mảng phân phối hàng công nghệ đánh dấu sự sụt giảm khá lớn về doanh thu do một số vấn đề liên quan đến việc cơ cấu lại mặt hàng và nguồn hàng cho phù hợp với tình hình thị trường. Tuy vậy mảng kinh doanh này tiếp tục đem lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho hoạt động của công ty. Sau năm 2013 phát triển mạnh và đa dạng chủng loại mặt hàng, năm 2014 là năm công ty điều chỉnh theo hướng tập trung hơn để nâng cao hiệu quả.

Liên doanh Sacom – Chíp Sáng

Tòa nhà đã được đưa vào vận hành tuy chưa lấp đầy và có một khách hàng lớn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (FPT). Kết quả hoạt động kinh doanh tuy vẫn chưa có lợi nhuận nhưng với việc một số tập đoàn lớn như Samsung được cấp phép giấy phép vào Khu Công nghệ cao, hạ tầng giao thông phát triển cũng đã rút ngắn đáng kể thời gian đi lại, dự án metro đang được gấp rút xây dựng,... thì giá trị tòa nhà hiện tại đã tăng lên rất nhiều. Đây là cơ hội để công ty cân nhắc việc nhượng lại phần góp vốn cho các đối tác có mong muốn đầu tư vào khu CNC.

Liên doanh CSA

Liên doanh Chíp Sáng & Ashmanov gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về tài chính. Tuy nhiên CSA cũng đã từng bước tạo được niềm tin của khách hàng với dịch vụ quảng bá online độc đáo NORON.VN. Với sự khác biệt và vượt trội về công nghệ, NORON.VN là yếu tố cốt lõi để liên doanh CSA tiếp cận và cung cấp giải pháp quảng cáo trực tuyến tổng thể cho khách hàng.

Dự án Internet sạch (CleanInternet) cho các thuê bao mạng 3G Viettel đang chậm tiến độ vì một số lý do chủ quan và khách quan. Tuy nhiên với sự khác biệt độc đáo là công nghệ đọc hiểu ngôn ngữ tự nhiên tiếng Việt (Semantic webfilter), CSA vẫn đang có lợi thế cạnh tranh trong việc cung cấp giải pháp lọc web. CSA vẫn đang tiến hành làm việc với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn để hợp tác triển khai thành công dự án Internet sạch trên các mạng di động lớn tại Việt Nam.

Chiến lược hoạt động năm 2015

Ban điều hành đã đề xuất 5 chiến lược hành động cụ thể như sau:

- **“Tập trung mũi nhọn”**: Cắt giảm các hoạt động chưa hiệu quả và tập trung vào lĩnh vực đem lại lợi nhuận cao.
- **“Đại dương xanh”**: Phát huy sáng tạo, tìm kiếm sản phẩm, dịch vụ độc đáo, thị trường “ngách” nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận.
- **“Đứng trên vai người khổng lồ”**: Tận dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài của công ty (các đối tác, cổ đông công ty).
- **“Phát triển bán hàng”**: Tập trung xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ bán hàng mạnh và chuyên nghiệp.
- **Marketing “công nghệ”**: Tập trung ưu tiên marketing cho sản phẩm công nghệ iLED và mảng kinh doanh tiết kiệm năng lượng.

Năm 2015 tiếp tục là một năm đầy thách thức. BĐH và tập thể nhân viên Chíp Sáng cam kết sẽ nỗ lực hết sức mình để hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch được ĐHCĐ giao phó.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

3. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

Báo cáo Kiểm toán độc lập



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 15.194/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chíp Sáng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KIỂM TÓAN VIÊN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

KIỂM TOÁN

D.T.L

LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TÓAN VIÊN

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0172-2013-026-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính (VNĐ)

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24,730,488,010	33,831,897,359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2,734,365,089	3,631,343,920
1. Tiền	111		2,734,365,089	2,606,343,920
2. Các khoản tương đương tiền	112			1,025,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	10,110,000,000	11,850,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,870,000,000	13,610,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,760,000,000)	(1,760,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	3,907,504,570	9,001,017,148
1. Phải thu khách hàng	131		5,870,633,756	9,156,533,386
2. Trả trước cho người bán	132		203,509,409	1,714,693,280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1,289,962,989	1,306,818,733
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,456,601,584)	(3,177,028,251)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	7,163,909,350	8,682,246,860
1. Hàng tồn kho	141		7,292,018,778	8,682,246,860
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(128,109,428)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		814,709,001	667,289,431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		122,341,670	61,138,026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		149,496,906	415,660,311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		77,812,640	77,307,094
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		465,057,785	113,184,000

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tt)

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46,632,021,146	48,298,489,601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		5,286,881,631	5,191,837,900
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	388,844,155	477,358,573
+ Nguyên giá	222		1,317,775,119	1,254,993,119
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(928,930,964)	(777,634,546)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	1,421,341,048	1,513,197,232
+ Nguyên giá	228		1,690,867,451	1,690,867,451
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269,526,403)	(177,670,219)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	3,476,696,428	3,201,282,095
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	37,974,152,881	40,600,896,781
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48,726,152,881	51,352,896,781
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10,752,000,000)	(10,752,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,370,986,634	2,505,754,920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		55,585,567	93,541,967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	2,061,101,067	1,197,912,953
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	1,254,300,000	1,214,300,000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71,362,509,156	82,130,386,960

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tt)

Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9,264,403,456	15,786,384,941
I. Nợ ngắn hạn	310		6,231,533,078	12,654,497,581
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	1,180,833,100	5,000,000,000
2. Phải trả người bán	312	5.11	3,296,283,259	2,567,345,965
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	253,090,345	3,507,727,938
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	680,267,915	329,300,213
5. Phải trả người lao động	315			6,208,331
6. Chi phí phải trả	316		320,038,062	580,250,038
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		466,774,357	629,419,056
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		34,246,040	34,246,040
II. Nợ dài hạn	330		3,032,870,378	3,131,887,360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	2,300,000,000	2,362,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.14	732,870,378	769,887,360
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61,378,483,440	65,221,030,576
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15.1	61,378,483,440	65,221,030,576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,290,800,000	80,290,800,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		374,000,000	374,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11,140,610,000)	(11,140,610,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		288,561,242	288,561,242
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		248,225,920	248,225,920
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,984,480	11,984,480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15.6	(8,694,478,202)	(4,851,931,066)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	5.15.7	719,622,260	1,122,971,443
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71,362,509,156	82,130,386,960

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		117,184,726	117,184,726
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD		980.12	980.12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



PHAN THỊ DIỄM TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

Tổng giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28,553,690,608	31,586,303,242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		657,861,985	931,797,294
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	6.1	27,895,828,623	30,654,505,948
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	22,554,560,024	26,407,605,911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,341,268,599	4,246,900,037
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	951,698,922	1,391,793,655
7. Chi phí tài chính	22	6.4	380,526,461	393,412,549
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		268,951,082	108,775,008
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	1,923,525,976	2,239,189,194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6,658,284,094	7,622,152,657
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,669,369,010)	(4,616,060,708)
11. Thu nhập khác	31		259,008,695	780,613,560
12. Chi phí khác	32		71,980,218	50,048
13. Lợi nhuận khác	40		187,028,477	780,563,512
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(2,626,743,900)	(2,855,787,179)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(5,109,084,433)	(6,691,284,375)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61			
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.7	(863,188,114)	(983,673,593)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(4,245,896,319)	(5,707,610,782)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(403,349,183)	(833,347,326)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(3,842,547,136)	(4,874,263,456)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.15.5	(556)	(705)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

PHAN THỊ DIỄM TRANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

Tổng giám đốc

NGUYỄN QUANG TRUNG

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5,109,084,433)	(6,691,284,375)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		243,152,602	312,689,639
Các khoản dự phòng	03		407,682,761	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2,626,743,900	1,802,970,140
Chi phí lãi vay	06		268,951,082	108,775,008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1,562,554,088)	(4,466,849,588)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,659,201,975	(2,479,917,482)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,390,228,082	(1,907,922,597)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2,674,293,241)	2,474,939,269
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(23,247,244)	160,173,956
Tiền lãi vay đã trả	13		(268,951,082)	(108,775,008)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(77,307,094)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			(50,521,559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		1,520,384,402	(6,456,180,103)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, x ây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(338,196,333)	(1,598,594,708)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,740,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(3,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1,650,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1,052,817,039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,401,803,667	(1,895,777,669)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			5,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,819,166,900)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1,683,096,915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,819,166,900)	3,316,903,085
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(896,978,831)	(5,035,054,687)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,631,343,920	8,666,398,607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2,734,365,089	3,631,343,920

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



PHAN THỊ DIỄM TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

Tổng giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở

Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 là 80.290.800.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 20 (31/12/2013: 21).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Lập trình máy tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Dịch vụ tối ưu hóa tìm kiếm, bộ lọc web, người đối thoại ảo, hệ thống tổng hợp và phân tích thông tin, hệ thống tiếp thị theo ngữ cảnh, thương mại điện tử;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Quảng cáo, đại lý, môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ash-manov	Lầu 6, Tòa nhà BCIS, Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh	70%	77,78%

1.4 Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Lô T2-4, Tầng 8 Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chíp Sáng, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

3.3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- *Nguyên tắc ghi nhận*
 - Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*
 - Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.
 - Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Hàng tồn kho

- *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho*
 - Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.
- *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính*
 - Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với thẻ cào điện thoại) và giá đích danh (đối với điện thoại di động).
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*
 - Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**
 - Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
 - Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm sút về giá trị phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.
 - Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- **Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình**
 - Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
 - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).
- **Phương pháp khấu hao**
 - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
 - Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+	Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

- **Phần mềm máy vi tính**
 - Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.
- **Công nghệ tối ưu hóa tìm kiếm**
 - Là giá trị công nghệ chuyển giao được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời hạn Công ty được quyền khai thác công nghệ này căn cứ Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HD-CSA ngày 20/12/2011 giữa Công ty Ashmanov Partners CJSC và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov.

4.9 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.16 Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*
 - *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành* Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.
 - *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại:* Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - Ưu đãi, miễn giảm thuế
 - Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov – Công ty con: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 431022000051 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể ngày doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi doanh nghiệp hoạt động có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- *Thuế giá trị gia tăng*
 - Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:
 - Dịch vụ thiết kế website, gia hạn tên miền 0%
 - Hàng hóa và dịch vụ khác 10%
- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.17 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu
 - Tài sản tài chính
 - ▶ Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.
 - ▶ Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính chưa niêm yết và tài sản tài chính khác.
 - Công nợ tài chính
 - ▶ Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.
 - ▶ Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.
- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu
 - Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

VND		
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	81.205.958	41.603.933
Tiền gửi ngân hàng	2.653.159.131	2.564.739.987
Các khoản tương đương tiền	-	1.025.000.000
Tổng cộng	2.734.365.089	3.631.343.920

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

VND		
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	10.110.000.000	11.850.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	1.760.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	11.870.000.000	13.610.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	10.110.000.000	11.850.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 24 tháng tại Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Suông với số tiền là 9,85 tỷ đồng được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam – xem thêm mục 5.10.

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam vay – xem thêm mục 7.

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	5.870.633.756	9.156.533.386
Trả trước cho người bán	203.509.409	1.714.693.280
Các khoản phải thu khác	1.289.962.989	1.306.818.733
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	7.364.106.154	12.178.045.399
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.456.601.584)	(3.177.028.251)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	3.907.504.570	9.001.017.148

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi	861.900.000	928.113.888
Các khoản phải thu khác	428.062.989	378.704.845
Cộng	1.289.962.989	1.306.818.733

5.4 Hàng tồn kho

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.884.905.359	2.066.224.739
Công cụ, dụng cụ	934.091	934.091
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.813.954.545
Hàng hóa	3.978.060.742	4.681.754.888
Hàng ký gửi	428.118.586	119.378.597
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.292.018.778	8.682.246.860
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(128.109.428)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	7.163.909.350	8.682.246.860

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	831.164.315	423.828.804	1.254.993.119
Mua trong năm	62.782.000	-	62.782.000
Số dư cuối năm	893.946.315	423.828.804	1.317.775.119
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	353.805.742	423.828.804	777.634.546
Khấu hao trong năm	151.296.418	-	151.296.418
Số dư cuối năm	505.102.160	423.828.804	928.930.964
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	477.358.573	-	477.358.573
Tại ngày cuối năm	388.844.155	-	388.844.155

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 549.929.788 đồng.

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VND

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Công nghệ tối ưu hóa tìm kiếm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.600.000	1.612.267.451	1.690.867.451
Số dư cuối năm	78.600.000	1.612.267.451	1.690.867.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	71.599.992	106.070.227	177.670.219
Khấu hao trong năm	7.000.008	84.856.176	91.856.184
Số dư cuối năm	78.600.000	190.926.403	269.526.403
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.000.008	1.506.197.224	1.513.197.232
Tại ngày cuối năm	-	1.421.341.048	1.421.341.048

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 57.600.000

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh của hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HĐ-CSA liên quan đến gói “Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa” được ký ngày 20/12/2011 giữa Công ty CP Ashmanov & Partners (Nga) và công ty con - Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Giá trị thanh toán theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	1.262.160.000	1.262.160.000
Chi phí lương nhân viên dự án	2.214.536.428	1.939.122.095
Tổng cộng	3.476.696.428	3.201.282.095

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Là các khoản đầu tư vào cổ phiếu công ty liên kết được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	10.752.000.000	10.752.000.000
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	37.974.152.881	40.600.896.781
Cộng	48.726.152.881	51.352.896.781

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam với số tiền là 10.752.000.000 đồng.

5.9 Tài sản khác

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê văn phòng	1.209.300.000	1.209.300.000
Ký quỹ khác	45.000.000	5.000.000
Tổng cộng	1.254.300.000	1.214.300.000

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay VND của Ngân hàng Thương mại CP Công Thương Việt Nam được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 188/2014-HĐTC/NHCT946-Chipsang của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Sương – Xem thêm mục 5.2.

5.11 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	3.296.283.259	2.567.345.965
Người mua trả tiền trước	253.090.345	3.507.727.938
Tổng cộng	3.549.373.604	6.075.073.903

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	308.501.454	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.611.090	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.500.000	49.726.880
Thuế nhà thầu	330.655.371	279.573.333
Tổng cộng	680.267.915	329.300.213

5.13 Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn tiền thuê văn phòng.

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản tiền cho thuê văn phòng tháng 1/2015 và 50% tiền cho thuê tháng 2/2015.

5.15 Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	35.953.438	(121.922.019)	11.984.480	2.256.078.021	72.220.127.958
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	(4.874.263.456)	(4.874.263.456)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.074.505.700)	(2.074.505.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	126.303.901	-	(429.433.265)	(50.521.560)
Khác	-	-	-	-	-	-	193.335	193.335
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	288.561.242	248.225.920	11.984.480	(4.851.931.066)	65.221.030.576
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.842.547.136)	(3.842.547.136)
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	288.561.242	248.225.920	11.984.480	(8.694.478.202)	(61.378.483.440)

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	21.965.000.000	21.965.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	58.325.800.000	58.325.800.000
Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
Tổng cộng	69.150.190.000	69.150.190.000

5.15.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trong năm tài chính	-	2.074.505.700

5.15.4 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	6.915.019	6.915.019

5.15.5 Lỗ cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	(3.842.547.136)	(4.874.263.456)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
Lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS)	(556)	(705)

5.15.6 Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(4.851.931.066)	2.526.078.021
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(3.842.547.135)	(4.874.263.456)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(252.607.804)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(126.303.901)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(50.521.560)
Chia cổ tức	-	(2.074.505.700)
Tăng do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-
Khác	-	193.335
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(8.694.478.202)	(4.851.931.066)

5.15.7 Lợi ích cổ đông thiểu số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.122.971.443	1.956.512.104
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(403.349.183)	(833.347.326)
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	-
Khác	-	(193.335)
Số dư cuối năm	719.622.260	1.122.971.443

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phân phối hàng công nghệ	10.942.642.576	22.387.009.674
Doanh thu cho thuê văn phòng	7.077.456.094	7.606.082.942
Doanh thu Esco	9.448.637.884	833.557.483
Doanh thu khác	1.084.954.054	759.653.143
Các khoản giảm trừ	(657.861.985)	(931.797.294)
Doanh thu thuần	27.895.828.623	30.654.505.948

6.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phân phối hàng công nghệ	8.486.039.292	17.373.031.915
Giá vốn cho thuê văn phòng	5.948.588.098	7.010.670.399
Giá vốn Esco	7.168.358.799	726.627.507
Giá vốn khác	951.573.835	1.297.276.090
Tổng cộng	22.554.560.024	26.407.605.911

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Là thu nhập từ lãi tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán.

6.4 Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	268.951.082	108.775.008
Chiết khấu thanh toán	90.720.597	221.387.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.854.782	63.250.415
Tổng cộng	380.526.461	393.412.549

6.5 Chi phí bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	223.127.018	247.166.922
Chi phí vật liệu, bao bì	-	47.309.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.159.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.605.939	25.888.482
Chi phí bảo hành	127.788.456	65.495.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.374.981.318	1.761.310.932
Chi phí bằng tiền khác	196.023.245	90.859.312

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.035.999.313	4.700.235.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	108.072.441	239.120.683
Chi phí khấu hao TSCĐ	158.296.426	214.738.492
Thuế, phí và lệ phí	65.284.291	41.558.685
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	279.573.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	925.384.601	1.205.773.581
Chi phí bằng tiền khác	1.085.673.689	1.220.726.173
Tổng cộng	6.658.284.094	7.622.152.657

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

VND

	Lỗ được chuyển sang năm sau	Doanh thu chưa thực hiện	Lãi dự thu	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	(190.193.528)		
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước		20.818.308		
Số dư đầu năm nay		(169.375.219)	-	
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm nay		8.143.736	-	
Số dư cuối năm nay		(161.231.483)	-	

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	2.061.101.067	1.197.912.953

7 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
2. Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
4. Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc

- Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:
- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay – Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	1.760.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị		
và thu nhập của Tổng Giám đốc	652.653.200	819.751.200

8 CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HỢP ĐỒNG

Nhóm công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	4.457.963.993	5.913.510.906

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Nhóm công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.330.820.156	2.132.302.879
Trên 1 năm đến 5 năm	18.169.212.032	-
Tổng cộng	23.500.032.188	2.132.302.879

9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- *Quản lý rủi ro vốn*
 - Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
 - Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).
- *Các chính sách kế toán chủ yếu*
 - Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.
- *Các loại công cụ tài chính*

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.734.365.089	3.631.343.920
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.736.465.884	7.286.323.868
Đầu tư tài chính	8.310.000.000	11.850.000.000
Tài sản tài chính khác	1.393.810.525	1.243.000.000
Tổng cộng	16.174.641.498	24.010.667.788
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.655.342.844	2.706.089.081
Chi phí phải trả	320.038.062	580.250.038
Công nợ tài chính khác	2.300.000.000	2.362.000.000
Tổng cộng	7.456.214.006	10.648.339.119

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- *Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính*
 - Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.
- *Rủi ro thị trường*
 - Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.
 - Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

▪ **Quản lý rủi ro tỷ giá**

- Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.
- Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tài sản		
	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	860,57	980,12

▪ **Quản lý rủi ro lãi suất**

- Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

- Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở

VND			
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác		-	3.655.342.844
Các khoản vay		-	1.180.833.100
Chi phí phải trả	320.038.062	-	320.038.062
Công nợ tài chính khác	-		2.300.000.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác		-	2.706.089.081
Các khoản vay		-	5.000.000.000
Chi phí phải trả	580.250.038	-	580.250.038
Công nợ tài chính khác	-		2.362.000.000

Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.736.465.884	-	3.736.465.884
Đầu tư tài chính	8.310.000.000	-	8.310.000.000
Tài sản tài chính khác	139.510.525	1.254.300.000	1.393.810.525

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.286.323.868	-	7.286.323.868
Đầu tư tài chính	11.850.000.000	-	11.850.000.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.097.034.537	-	6.097.034.537

10 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2015.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



PHAN THỊ DIỄM TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

Tổng giám đốc



NGUYỄN QUANG TRUNG

Báo cáo thường niên 2014

Thực hiện theo yêu cầu của
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Tổng hợp nội dung:
Phòng Kế toán

Chịu trách nhiệm nội dung:
Ban Điều hành

Thiết kế và sản xuất:
Phòng Marketing

Thông tin liên hệ:
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Trụ sở chính: Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM

Chi nhánh: 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3930 1639

Fax: (08) 3930 1636

Email: info@chipsang.vn

Website: www.chipsang.vn



Công ty Cổ phần Chíp Sánh
Báo cáo thường niên 2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chíp sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty có đầu tư vào 1 công ty con.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Bùi Thị Kim Nga	Trưởng ban (miễn nhiệm tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên (bổ nhiệm tháng 6 năm 2013)
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

Ông Nguyễn Quang Trung là Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

3. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

**RSM DTL Auditing**

Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn, 140 Nguyễn Văn Thù
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.308-1/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Kiểm toán DTL là thành viên của hệ thống RSM. Mỗi thành viên của RSM là một công ty tư vấn và kiểm toán độc lập tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Hệ thống RSM không phải là một pháp nhân riêng rẽ ở bất kỳ quốc gia nào.

**RSM DTL Auditing**
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33,831,897,359	35,852,949,981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3,631,343,920	8,666,398,607
1. Tiền	111		2,606,343,920	1,466,398,607
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,025,000,000	7,200,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	11,850,000,000	13,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13,610,000,000	15,260,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,760,000,000)	(1,760,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	9,001,017,148	6,329,401,645
1. Phải thu khách hàng	131		9,156,533,386	8,280,662,065
2. Trả trước cho người bán	132		1,714,693,280	12,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1,306,818,733	1,213,767,831
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,177,028,251)	(3,177,028,251)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	8,682,246,860	6,774,324,263
1. Hàng tồn kho	141		8,682,246,860	6,774,324,263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		667,289,431	582,825,466
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61,138,026	106,856,467
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		415,660,311	347,497,499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		77,307,094	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		113,184,000	128,471,500

(Phần tiếp theo trang 39)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48,298,489,601	45,999,153,634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		5,191,837,900	3,989,351,334
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	477,358,573	346,763,942
+ Nguyên giá	222		1,254,993,119	1,158,591,547
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(777,634,546)	(811,827,605)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	1,513,197,232	1,634,211,905
+ Nguyên giá	228		1,690,867,451	1,690,867,451
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177,670,219)	(56,655,546)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	3,201,282,095	2,008,375,488
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40,600,896,781	40,456,683,960
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	51,352,896,781	51,208,683,960
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10,752,000,000)	(10,752,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,505,754,920	1,553,118,340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		93,541,967	124,578,980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	1,197,912,953	214,239,360
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	1,214,300,000	1,214,300,000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82,130,386,960	81,852,103,615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		15,786,384,941	7,675,463,554
I. Nợ ngắn hạn	310		12,654,497,581	3,936,189,444
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	5,000,000,000	
2. Phải trả người bán	312	5.11	2,567,345,965	2,062,413,668
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	3,507,727,938	364,890,529
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	329,300,213	583,784,731
5. Phải trả người lao động	315		6,208,331	329,937,464
6. Chi phí phải trả	316		580,250,038	379,644,369
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		629,419,056	215,518,683
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		34,246,040	
II. Nợ dài hạn	330		3,131,887,360	3,739,274,110
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	2,362,000,000	2,978,500,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.14	769,887,360	760,774,110
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65,221,030,576	72,220,127,957
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14.1	65,221,030,576	72,220,127,957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.14.2	80,290,800,000	80,290,800,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		374,000,000	374,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11,140,610,000)	(11,140,610,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		288,561,242	35,953,438
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		248,225,920	121,922,019
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11,984,480	11,984,480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.14.6	(4,851,931,066)	2,526,078,021
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.14.7	1,122,971,443	1,956,512,104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82,130,386,960	81,852,103,615

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		117,184,726	117,184,726
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			113,957,236
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		980.12	15,151.37
+ EUR			
+ SGD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		31,586,303,242	26,046,929,683
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		931,797,294	52,552,124
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	30,654,505,948	25,994,377,559
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	26,407,605,911	21,031,981,840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,246,900,037	4,962,395,719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1,391,793,655	4,827,280,828
7. Chi phí tài chính	22		393,412,549	35,251,335
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		108,775,008	12,817,123
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	2,239,189,194	225,543,779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	7,622,152,657	6,581,003,288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,616,060,708)	2,947,878,145
11. Thu nhập khác	31	6.6	780,613,560	291,741,970
12. Chi phí khác	32		50,048	2,156,539
13. Lợi nhuận khác	40		780,563,512	289,585,431
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(2,855,787,179)	(529,513,214)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(6,691,284,375)	2,707,950,363
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.7		1,334,727,455
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.8	(983,673,593)	13,782,614
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(5,707,610,782)	1,359,440,294
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(833,347,326)	(401,629,051)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(4,874,263,456)	1,761,069,345
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.14.5	(705)	222

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6,691,284,375)	2,707,950,363
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		312,689,639	195,390,198
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1,802,970,140	(3,449,386,143)
Chi phí lãi vay	06		108,775,008	12,817,123
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4,466,849,588)	(533,228,460)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,479,917,482)	(5,224,391,144)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,907,922,597)	(5,753,419,780)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2,474,939,269	1,884,066,102
Tăng giảm chi phí trả trước	12		160,173,956	176,960,232
Tiền lãi vay đã trả	13		(108,775,008)	(12,817,123)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(77,307,094)	(645,290,239)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			55,500,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(50,521,559)	(103,443,482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,598,594,708)	(2,343,250,885)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2,650,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(13,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,000,000,000)	(9,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,650,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,052,817,039	3,457,908,299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,895,777,669)	(21,382,692,586)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			1,252,200,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(11,040,710,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,000,000,000	8,500,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(8,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,683,096,915)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3,316,903,085	(9,788,510,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(5,035,054,687)	(41,327,266,479)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,666,398,607	49,993,665,086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3,631,343,920	8,666,398,607

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 là 80.290.800.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 1 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty).

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2013 gồm Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21 (31/12/2012: 19).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng.
- Mua bán thiết bị điện tử.
- Đại lý dịch vụ viễn thông.
- Lập trình máy tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính.
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Cổng thông tin.
- Dịch vụ tối ưu hóa tìm kiếm, bộ lọc web, người đối thoại ảo, hệ thống tổng hợp và phân tích thông tin, hệ thống tiếp thị theo ngữ cảnh, thương mại điện tử.
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Quảng cáo, đại lý, môi giới, đấu giá.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Lầu 6, Tòa nhà BCIS, Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	77,78%

1.4 Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Lô T2-4, Tầng 8 Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chíp Sáng, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có

thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với thẻ cào điện thoại) và giá đích danh (đối với điện thoại di động).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5

Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các tài sản phân loại sang công cụ, dụng cụ là các tài sản cố định trước đây theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2013
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Công nghệ tối ưu hóa tìm kiếm

Là giá trị công nghệ chuyển giao được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời hạn Công ty được quyền khai thác công nghệ này căn cứ Hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HD-CSA ngày 20/12/2011 giữa Công ty Ashmanov Partners CJSC và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.8 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12 Thuế**▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov – Công ty con: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 431022000051 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể ngày doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu kể từ khi doanh nghiệp hoạt động có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----|
| + Dịch vụ thiết kế website, gia hạn tên miền | 0% |
| + Hàng hóa và dịch vụ khác | 10% |

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.13 Công cụ tài chính**▪ Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.15 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	1.690.867.451	78.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.008.375.488	3.620.642.938

Nguyên nhân: trình bày lại số dư đầu kỳ đối với giá trị công nghệ “Tối ưu hóa tìm kiếm” đã hoàn thành chuyển giao và đưa vào sử dụng từ 30/9/2012.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	41.603.933	85.262.968
Tiền gửi ngân hàng	2.564.739.987	1.381.135.639
Các khoản tương đương tiền	1.025.000.000	7.200.000.000
Tổng cộng	3.631.343.920	8.666.398.607

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị là 625 triệu đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – xem thêm mục 5.10

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	11.850.000.000	13.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	1.760.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	13.610.000.000	15.260.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	11.850.000.000	13.500.000.000

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam vay – xem thêm mục 7.

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	9.156.533.386	8.280.662.065
Trả trước cho người bán	1.714.693.280	12.000.000
Các khoản phải thu khác	1.306.818.733	1.213.767.831
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	12.178.045.399	9.506.429.896
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	9.001.017.148	6.329.401.645

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 2.596.497.813 đồng – Xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi và cho vay	928.113.888	958.083.333
Các khoản phải thu khác	378.704.845	255.684.498
Cộng	1.306.818.733	1.213.767.831

5.4 Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.066.224.739	1.386.944.851
Công cụ, dụng cụ	934.091	55.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.813.954.545	-
Hàng hóa	4.681.754.888	5.387.324.412
Hàng ký gửi	119.378.597	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8.682.246.860	6.774.324.263
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	8.682.246.860	6.774.324.263

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	529.473.697	423.828.804	205.289.046	1.158.591.547
Mua trong năm	405.688.100	-	-	405.688.100
Chuyển sang công cụ	(246.564.255)	-	(62.722.273)	(309.286.528)
Số dư cuối năm	688.597.542	423.828.804	142.566.773	1.254.993.119
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	332.751.402	406.169.263	72.906.940	811.827.605
Khấu hao trong năm	153.107.995	17.659.541	20.907.426	191.674.962
Chuyển sang công cụ	(177.782.415)	-	(48.085.606)	(225.868.021)
Số dư cuối năm	308.076.982	423.828.804	45.728.760	777.634.546
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	196.722.295	17.659.541	132.382.106	346.763.942
Tại ngày cuối năm	380.520.560	-	96.838.013	477.358.573

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 549.929.788 đồng.

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

VND

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Công nghệ tối ưu hóa tìm kiếm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.600.000	1.612.267.451	1.690.867.451
Số dư cuối năm	78.600.000	1.612.267.451	1.690.867.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	56.655.546	-	56.655.546
Khấu hao trong năm	14.944.446	106.070.227	121.014.673
Số dư cuối năm	71.599.992	106.070.227	177.670.219
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.000.004	1.612.267.451	1.634.211.905
Tại ngày cuối năm	7.000.008	1.506.197.224	1.513.197.232

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh của hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HĐ-CSA liên quan đến gói “Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa” được ký ngày 20/12/2011 giữa Công ty CP Ashmanov & Partners (Nga) và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Giá trị thanh toán theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	1.262.160.000	1.262.160.000
Chi phí lương nhân viên dự án	1.939.122.095	746.215.487
Tổng cộng	3.201.282.095	2.008.375.487

5.8. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên kết được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	10.752.000.000	10.752.000.000
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	42.000.000.000	39.000.000.000
Cộng	52.752.000.000	49.752.000.000

5.9. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ thuê văn phòng. Trong đó, khoản ký quỹ của các bên liên quan với số tiền là 1.209.300.000 đồng – Xem thêm mục 7.

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 262/HĐTG của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Sương – xem thêm mục 5.1.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	2.567.345.965	2.062.413.668
Người mua trả tiền trước	3.507.727.938	364.890.529
Tổng cộng	6.075.073.903	2.247.304.197

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	533.431.513
Thuế thu nhập cá nhân	49.726.880	50.353.218
Thuế nhà thầu	279.573.333	-
Tổng cộng	329.300.213	583.784.731

5.13. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược cho thuê mặt bằng	2.300.000.000	2.978.500.000
Phải trả khác	62.000.000	-
Tổng cộng	2.362.000.000	2.978.500.000

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng.

(Phần tiếp theo trang 56-57)

5.15 Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	-	35.953.438	11.984.480	11.984.480	819.685.270	81.544.407.668
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.761.069.345	1.761.069.345
Tăng do hợp nhất công ty liên kết	-	-	-	-	109.937.539	-		109.937.539
Tăng thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	-	-	-	-	-	(54.676.595)	54.676.595)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(11.140.610.000)	-	-	-		(11.140.610.000)
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	35.953.438	121.922.019	11.984.480	2.526.078.021	72.220.127.957
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(4.874.263.456)	(4.847.263.456)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.074.505.700)	(2.074.505.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	252.607.804	126.303.901	-	(429.433.265)	(50.521.560)
Khác	-	-	-	-	-	-	193.335	193.335
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	- 11.140.610.000	288.561.242	248.225.920	11.984.480	(4.851.931.066)	(65.221.030.576)

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	21.965.000.000	21.965.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	58.325.800.000	58.325.800.000
Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
Tổng cộng	69.150.190.000	69.150.190.000

5.15.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trong năm tài chính:	2.074.505.700	-

5.15.4 Cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	1.114.061	1.114.061
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.5 Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	(4.874.263.456)	1.761.069.345
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	7.934.461
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(705)	222

5.15.6 Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.526.078.021	819.685.270
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(4.874.263.456)	1.761.069.345
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(252.607.804)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(126.303.901)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(50.521.560)	-
Chia cổ tức	(2.074.505.700)	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	(54.676.594)
Khác	193.335	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(4.851.931.066)	2.526.078.021

5.15.7 Lợi ích cổ đông thiểu số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.956.512.104	1.051.264.560
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	54.676.595
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	1.252.200.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(833.347.326)	(401.629.051)
Khác	(193.335)	
Số dư cuối năm	1.122.971.443	1.956.512.104

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	22.387.009.674	14.011.256.145
Doanh thu cho thuê văn phòng	7.606.082.942	10.215.961.611
Doanh thu khác	1.593.210.626	1.819.711.927
Các khoản giảm trừ	(931.797.294)	(52.552.124)
Doanh thu thuần	30.654.505.948	25.994.377.559

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.373.031.915	9.877.381.932
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.010.670.399	7.326.307.852
Giá vốn khác	2.023.903.597	3.828.292.056
Tổng cộng	26.407.605.911	21.031.981.840

6.3. Doanh thu tài chính

Là thu nhập từ lãi tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán.

6.4 Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	247.166.922	-
Chi phí vật liệu quản lý	47.309.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.159.091	17.458.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.888.482	26.287.577
Chi phí bảo hành	65.495.455	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.310.932	181.797.716
Chi phí bằng tiền khác	90.859.312	-
Tổng cộng	2.239.189.194	225.543.779

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.700.235.043	4.334.968.618
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.120.683	325.451.045
Chi phí khấu hao TSCĐ	214.738.492	169.102.621
Thuế, phí và lệ phí	41.558.685	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.205.773.581	712.448.379
Chi phí bằng tiền khác	1.220.726.173	1.039.032.625
Tổng cộng	7.622.152.657	6.581.003.288

6.6 Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền đặt cọc do hủy ngang hợp đồng	616.500.000	-
Khác	164.113.560	291.741.970
Tổng cộng	780.613.560	291.741.970

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(6.691.284.375)	2.707.950.363
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.401.573.724	1.480.556.434
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(856.957.443)	(912.087.897)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(6.146.668.094)	3.276.418.900
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	1.334.727.455
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	-	1.334.727.455

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như sau:

- Doanh thu cho thuê văn phòng đã xuất hóa đơn
- Thu nhập của Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành
- Chi phí không có hóa đơn chứng từ theo quy định của Luật thuế TNDN.

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND
Số dư đầu năm trước	228.021.974
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh năm trước	(13.782.614)
Số dư đầu năm nay	214.239.360
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	983.673.593
Số dư cuối năm nay	1.197.912.953

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	1.197.912.953	214.239.360
Tổng cộng	1.197.912.953	214.239.360

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.636.246	174.489.199
Chi phí nhân công	4.947.401.965	4.342.968.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	240.626.974	195.390.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.847.084.167	18.734.683.803
Chi phí khác bằng tiền	2.838.282.441	4.929.824.417
Tổng cộng	36.191.031.793	28.377.356.235

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Nhóm công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

1. Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov Công ty con
2. Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam Công ty liên kết
4. Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay – Xem thêm mục 5.2	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu – Xem thêm mục 5.3	2.596.497.813	3.177.028.251
Ký quỹ – Xem thêm mục 5.9	1.209.300.000	1.209.300.000
Tổng cộng	5.565.797.813	6.146.328.251

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	10.826.435.860	3.168.354.038
Mua hàng	-	5.810.043.988
Cung cấp dịch vụ và giao dịch khác	356.179.153	323.168.250

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc	819.751.200	834.975.600

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HỢP ĐỒNG

Nhóm công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.913.510.906	5.810.043.987

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Nhóm công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.132.302.879	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.057.175.000
Tổng cộng	2.132.302.879	8.057.175.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.631.343.920	8.666.398.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.286.323.868	6.097.034.537
Đầu tư tài chính	11.850.000.000	13.500.000.000
Tài sản tài chính khác	1.243.000.000	1.243.000.000
Tổng cộng	24.010.667.788	29.506.433.144
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	5.068.089.081	5.202.969.540
Chi phí phải trả	580.250.038	379.644.369
Tổng cộng	10.648.339.119	5.582.613.909

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	66.590,40	980,12	15.151,37

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm công ty phải trả.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	2.706.089.081	2.362.000.000	5.068.089.081
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Chi phí phải trả	580.250.038	-	580.250.038
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	2.224.469.540	2.978.500.000	5.202.969.540
Chi phí phải trả	379.644.369	-	379.644.369

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.286.323.868	-	7.286.323.868
Đầu tư tài chính	11.850.000.000	-	11.850.000.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.097.034.537	-	6.097.034.537
Đầu tư ngắn hạn	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



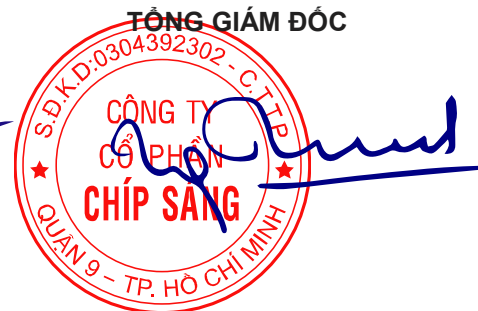
NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG